

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

Năm 2025, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều biến động phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột quân sự, chính sách thuế và thương mại của các nền kinh tế chủ chốt, biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống... đã tác động sâu rộng đến tăng trưởng toàn cầu. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô, niềm tin thị trường và uy tín quốc tế được củng cố, nước ta vẫn đối mặt với nhiều khó khăn do tác động của các diễn biến mới của tình hình thế giới và khu vực, ảnh hưởng của thiên tai, thời tiết cực đoan đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nhiều địa phương và tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đồng thời với nhiều nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược theo chỉ đạo của Trung ương, nhất là thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự đồng hành phối hợp chặt chẽ của HĐND tỉnh; chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, linh hoạt và hiệu quả của UBND tỉnh; sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, nhìn chung tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đạt nhiều kết quả tích cực, khá toàn diện trên các ngành, lĩnh vực.

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Với quyết tâm, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2025 theo kế hoạch đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần chủ đề điều hành: “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; trọng tâm trọng điểm; tăng tốc bút phá*”. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, UBND tỉnh luôn bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương; tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bám sát các nghị quyết của HĐND tỉnh, chủ động nắm bắt tình hình, nhận diện khó khăn, thách thức để có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn đối với những nhiệm vụ

lớn, cấp bách, những vấn đề quan trọng phát sinh, đột xuất; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 104/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 18/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025; trong đó đề ra 06 trọng tâm chỉ đạo điều hành, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và 177 nhiệm vụ cụ thể giao cho các sở, ngành và địa phương; xây dựng kịch bản tăng trưởng GRDP theo từng quý (*với mục tiêu tăng trưởng từ 10-10,5%*). Thành lập 05 Tổ công tác do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tăng trưởng trên các ngành, lĩnh vực¹. Ban hành kế hoạch² thực hiện Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ; trong đó bổ sung kịch bản tăng trưởng (GRDP) theo ngành cấp 01 và 03 khu vực kinh tế, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm theo từng quý để phấn đấu tăng trưởng năm 2025 đạt 10,5%.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN với mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên (*thay thế Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025*) và Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025³, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 697/KH-UBND ngày 22/8/2025 về tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ các tháng cuối năm 2025 để cụ thể hoá nội dung của các Nghị quyết, đồng thời xác định mục tiêu tăng trưởng cả năm 2025 đạt từ 9,5-10,5%, góp phần thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng chung của cả nước.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã quan tâm, tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác triển khai các nhiệm vụ trọng tâm như: rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, chuẩn bị tốt các điều kiện để chính quyền cấp xã đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025; triển khai thực hiện hiệu quả, bảo đảm tiến độ kế hoạch/chương trình hành động thực hiện 07 Nghị quyết có tính chiến lược của Bộ Chính trị; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An⁴...

¹ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh.

² Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh.

³ Điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau sắp xếp; trong đó, mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 của Nghệ An được giao là 9%, mục tiêu 06 tháng cuối năm là 9,7%.

⁴ UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 quy định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đối với một số nội dung được điều chỉnh bởi các luật và Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển

II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

1. Về phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2025 ước đạt 8,44%⁵; trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản ước tăng 2,66%; khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 13,35% (riêng công nghiệp ước tăng 14,54%); khu vực dịch vụ ước tăng 7,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 6,8%. Cụ thể các ngành, lĩnh vực như sau:

- **Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:** Năm 2025, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi của thời tiết (rét đậm, rét hại từ đầu năm, cuối năm nhiều đợt mưa bão lớn gây mưa kéo dài, ngập úng), tuy nhiên ngành nông nghiệp đã chủ động, linh hoạt chỉ đạo các địa phương khắc phục các khó khăn, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đưa vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt cả năm ước đạt trên 1,202 triệu tấn; năng suất lúa ước đạt 59,16 tạ/ha; năng suất các loại cây công nghiệp, cây ăn quả tăng so với cùng kỳ năm trước⁶. Chăn nuôi phát triển tốt, tổng đàn duy trì ổn định⁷. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm thực hiện hiệu quả, diện tích trồng rừng tập trung và sản lượng gỗ khai thác đạt và vượt kế hoạch⁸; tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 59,01%. Lĩnh vực thủy sản tiếp tục được chú trọng phát triển theo hướng đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, kết hợp với đầu tư nuôi trồng thâm canh, đưa vào sản xuất các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao thu nhập cho ngư dân và phát triển kinh tế biển bền vững⁹.

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) tiếp tục được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Tính đến thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, toàn tỉnh có 275 xã/362 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 75,96%); 102/275 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (chiếm 37,09% xã NTM); 16/275 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (chiếm 5,82% xã NTM); 10 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM; 01 huyện đạt chuẩn

khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù trên địa bàn tỉnh; phê duyệt danh mục 18 công trình, dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm phục vụ phát triển khu vực miền Tây Nghệ An

⁵ Xếp thứ 13/34 cả nước, thứ 3 tiểu vùng Bắc Trung Bộ.

⁶ Năng suất cây chè tăng 0,68%; cây cao su tăng 0,2%; cây cam tăng 2,88%; cây sản nguyên liệu tăng 7,66% so với cùng kỳ.

⁷ Tổng đàn trâu, bò cả năm ước đạt 798.000 con/KH 793.000 con (trong đó, tổng đàn bò đạt 550.000 con/KH 545.000 con); tổng đàn gia cầm ước đạt 41 triệu con/KH 36,7 triệu con, tăng 7,54% so với cùng kỳ; sản lượng sữa tươi ước đạt 360 triệu lít, tăng 9,09% so với cùng kỳ.

⁸ Trong năm, trồng rừng tập trung ước đạt 22 nghìn ha, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 2.142 nghìn m³, đạt 100% kế hoạch; bảo vệ rừng ước đạt 973.012 ha. Khoanh nuôi rừng, chăm sóc rừng đạt 100% kế hoạch. Toàn tỉnh đã cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên 36.000 ha.

⁹ Cả năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 282 nghìn tấn, đạt 104,8% kế hoạch; trong đó sản lượng khai thác ước đạt 205 nghìn tấn; sản lượng nuôi trồng ước đạt 77 nghìn tấn.

nông thôn mới nâng cao¹⁰. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai thực hiện có hiệu quả; toàn tỉnh hiện có 684 sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên, trong đó 638 sản phẩm đạt 3 sao, 43 sản phẩm đạt 4 sao, 03 sản phẩm đạt 5 sao.

- **Lĩnh vực công nghiệp:** Là điểm sáng nổi bật, duy trì đà tăng trưởng cao, là động lực chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2025 ước tăng 17% so với năm 2024; trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 16%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 25%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11%. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, trọng tâm là sản xuất linh kiện điện tử, phụ tùng ô tô, dệt may, da giày và vật liệu xây dựng; đồng thời phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản phát triển theo hướng gắn với vùng nguyên liệu tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất dược liệu, ván MDF, ván ghép thanh, tre ghép,... Năm 2025, nhiều dự án sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp FDI hoàn thành và đi vào hoạt động, vận hành ổn định công suất, góp phần tăng năng lực sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao sức cạnh tranh của khu vực công nghiệp - xây dựng¹¹. Nhiều sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng tốt so với cùng kỳ như: Khai thác đá xây dựng ước đạt 7.668 nghìn m³, tăng 85,53%; Đường ước đạt 153 nghìn tấn, tăng 30,73%; Sữa các loại đạt 362 triệu lít, tăng 3,2%; Xi măng ước đạt 9,14 triệu tấn, tăng 10,07%; Điện sản xuất ước đạt 4.931 triệu KWh, tăng 49,86%, đặc biệt là các sản phẩm linh kiện điện tử của các dự án FDI trong KKT Đông Nam.

- **Lĩnh vực dịch vụ:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa cả năm ước đạt 125.000 tỷ đồng, tăng 5,23% so với cùng kỳ; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 4.400 triệu USD, tăng 38,72%; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 3.550 triệu USD, tăng 32,48%. Kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn, đặc biệt là các vấn đề phát sinh trong ứng phó với lệnh áp thuế của Hoa Kỳ¹². Hiện nay, các doanh nghiệp Nghệ An đã xuất khẩu hàng hóa sang 170 quốc gia và vùng lãnh thổ (tăng 45 thị trường so với năm 2020). Một số thị trường mới được mở rộng như: Mozambique, Serbia, Tunisia, Rwanda, Belize, Benin, Mauritania, Cộng hòa Dominica, Maldives, Paraguay... Các thị trường xuất khẩu chủ lực gồm: Trung Quốc (19,5%), Hoa Kỳ (19%), Đông Nam Á (15%), Hồng Kông (9,6%), Hàn Quốc (9,6%) và Châu Âu (7,5%)...

¹⁰ Số liệu tính theo Nghị quyết số 1243/NQ-UBTVQH ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (tổng 362 xã), sẽ được chuẩn hóa lại theo Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 (tổng 119 xã) sau khi Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2026-2030 được thông qua.

¹¹ như: Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam; Công ty TNHH công nghệ chính xác Luxcase Việt Nam; Nhà máy Công Nghệ Luxshare Việt Nam; Dự án Nhà máy KHKT Luxvisions Innovation Nghệ An; Công ty TNHH Plastic Gia Nhật Việt Nam; Dự án đầu tư cơ sở mới Sunny Automctive Quang Học Vina; Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm giày dép Viet Fast...

¹² Đặc biệt là các doanh nghiệp có hàng hoá xuất khẩu trực tiếp sang Hoa Kỳ như: An Sơn Stone, May Minh Anh, Nafoods, Frescol Tuna, Kido Vinh, Luxshare, Thanh Thành Đạt

Ban hành quy định quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh¹³; quy định về hoạt động sử dụng xe bốn bánh có gắn động cơ, xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh¹⁴. Thực hiện cấp mới, cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải cho các đơn vị và phù hiệu kinh doanh vận tải các loại, cấp giấy phép liên vận đường bộ quốc tế theo đúng quy định.

Hoạt động du lịch diễn ra khá sôi động, thu hút lượng lớn du khách, nhất là trong các kỳ nghỉ lễ. Tổ chức tốt các hoạt động kích cầu du lịch trong dịp khai trương mùa du lịch biển và nhân dịp Lễ hội Làng Sen 2025¹⁵. Công nhận mới 05 điểm du lịch trên địa bàn¹⁶. Ước tính cả năm 2025, toàn tỉnh đón khoảng 9,9 triệu lượt khách du lịch; trong đó khách lưu trú đạt khoảng 6,2 triệu lượt, tăng 6,9% so với cùng kỳ, khách quốc tế ước đạt 135 nghìn lượt. Tổng thu từ hoạt động du lịch ước đạt 11.900 tỷ đồng, tăng 8,18% so với cùng kỳ.

Mạng lưới bưu chính tiếp tục được mở rộng; hạ tầng thông tin, viễn thông tiếp tục được các doanh nghiệp phát triển nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ¹⁷; thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, theo dõi, giám sát các hệ thống thông tin của tỉnh; UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch ngân hóa và chỉnh trang mạng cáp viễn thông năm 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An¹⁸. Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 100 năm ngày Báo chí cách mạng Việt Nam... Xây dựng phương án kết nối bộ chỉ số điều hành của tỉnh lên Hệ thống thông tin báo cáo và Trung tâm giám sát điều hành thông minh IOC.

2. Huy động nguồn lực, quản lý thu, chi ngân sách nhà nước và giải ngân vốn đầu tư công

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2025 ước thực hiện 115.592 tỷ đồng, tăng 6,95% so với năm 2024; trong đó, vốn nhà nước ước đạt 20.275 tỷ đồng, tăng 5,28%; vốn ngoài nhà nước ước đạt 73.182 tỷ đồng, tăng 9,97% so với cùng kỳ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 22.135 tỷ đồng, bằng 99,37% cùng kỳ.

¹³ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh

¹⁴ Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh

¹⁵ Tổ chức thành công khai mạc Lễ hội du lịch Cửa Lò năm 2025 với chủ đề “Cửa Lò - Bình minh toả sáng”; Phối hợp với tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến, quảng bá du lịch “Nghệ An - Thanh Hóa - Ninh Bình: Hành trình du lịch xanh”; tổ chức đón đoàn Famtrip khảo sát sản phẩm du lịch mới của tỉnh Nghệ An nhân dịp Lễ hội Làng Sen 2025, tổ chức Tọa đàm đánh giá sản phẩm du lịch nhằm tiếp tục hoàn thiện điểm đến du lịch Nghệ An; triển khai khảo sát tour du lịch mẫu “Về làng Sen quê Bác”...

¹⁶ (1) Điểm du lịch cộng đồng bản Thái cổ Mường Đán, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong (cũ); (2) Điểm tham quan trải nghiệm du lịch sinh thái, cộng đồng bản Yên Hoà, xã Mỹ Lý; (3) Điểm du lịch cộng đồng Mường Lống, xã Mường Lống; (4) Điểm du lịch Bảo tàng Nghệ An - Xô viết Nghệ Tĩnh; (5) Điểm tham quan, trải nghiệm du lịch nông nghiệp được liệu Pù Mát.

¹⁷ Hiện nay, toàn tỉnh có 8.363 trạm BTS, đạt 97,8% kế hoạch năm 2025; 100% xã được phủ sóng 4G, 99,37% thôn được phủ sóng 4G; 3,05 triệu thuê bao di động, trong đó 2,45 triệu thuê bao băng rộng, đạt 71,57 thuê bao/100 dân; 555.288 thuê bao internet cố định, phủ cáp đến 100% các xã, 100% thôn các xã đồng bằng; 267.116 thuê bao truyền hình trả tiền (FTTH+Cáp)...

¹⁸ Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh

- Thu ngân sách nhà nước đạt kết quả nổi bật. Năm 2025 ước thực hiện 26.560 tỷ đồng, đạt 149,8% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 103,9% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, thu nội địa ước thực hiện 24.700 tỷ đồng, đạt 154,2% dự toán, bằng 104,1% so với thực hiện năm 2024, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 1.710 tỷ đồng, đạt 104,9% dự toán và bằng 100% thực hiện năm 2024. Chi ngân sách địa phương năm 2025 ước thực hiện 45.957 tỷ đồng, bằng 109,4% dự toán.

- Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai kế hoạch đầu tư công được thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm. UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác về đầu tư công, phân công nhiệm vụ cho các Phó chủ tịch UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan theo dõi từng dự án theo các lĩnh vực để kịp thời đôn đốc, chỉ đạo; các Đoàn công tác đã kiểm tra hiện trường để đôn đốc tiến độ, kịp thời nắm bắt, giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các đơn vị. Đã ban hành nhiều quyết định, công điện và các văn bản chỉ đạo để đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là quán triệt, cụ thể hóa chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch và cam kết giải ngân hàng tháng, làm căn cứ đánh giá tiến độ và thực hiện cam kết; 10 ngày một lần, thông báo kết quả giải ngân đến từng đơn vị, chủ đầu tư để đôn đốc, chỉ đạo kịp thời. Tổ chức họp Ban Chỉ đạo các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh và Hội nghị trực tuyến thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công toàn tỉnh. Rà soát, điều chỉnh, cắt giảm kế hoạch vốn của 13 dự án dự kiến không giải ngân hết kế hoạch được giao để bổ sung vốn cho 05 các dự án với số vốn 144,297 tỷ đồng.

Đặc biệt, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo chuyển tiếp các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp: (i) Thành lập Ban chỉ đạo và ban hành Kế hoạch số 299/KH-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh triển khai hướng dẫn chuyển tiếp quản lý chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; (ii) Chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn mẫu biểu bàn giao hồ sơ tài liệu; (iii) Giao chủ đầu tư mới cho các dự án sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp¹⁹; (iv) Chỉ đạo rà soát điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 nguồn ngân sách cấp huyện (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) vào nguồn ngân sách tỉnh hoặc ngân sách xã theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 của HĐND tỉnh.

Tính đến ngày 30/11/2025, tổng giải ngân trên địa bàn tỉnh là 7.318,095 tỷ đồng, đạt 58,25%/tổng kế hoạch²⁰ và đạt 67,53%/KH Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn tỷ lệ giải ngân bình quân chung cả nước (60,6%). Nhiều công trình, dự án trọng điểm được tập trung chỉ đạo, cơ bản hoàn thành như Đường ven biển từ

¹⁹ Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 15/9/2025; số 3263/QĐ-UBND ngày 17/10/2025, số 3486/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 và số 3749/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh. Tính đến ngày 15/11/2025, đã giao chủ đầu tư cho 8.034 dự án (chưa bao gồm các dự án MTQG).

²⁰ Tổng kế hoạch vốn trên Hệ thống kho bạc nhà nước

Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76, Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An giai đoạn 2...

3. Về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xúc tiến, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

a) UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục nỗ lực cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm thực chất, hiệu quả; tăng cường hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025²¹. Ban hành các văn bản chấn chỉnh kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, khắc phục hạn chế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp²². Tập trung chỉ đạo các sở, ngành rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm giảm ít nhất 40% thời gian giải quyết các TTHC, bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, 30% chi phí tuân thủ TTHC²³. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm như: Dự án cảng nước sâu Cửa Lò, dự án điện khí LNG Quỳnh Lập, các dự án hạ tầng Khu công nghiệp trong KKT Đông Nam; cảng hàng không quốc tế Vinh... Duy trì tổ chức hội nghị giao ban định kỳ với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các Hội doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp. Tổ chức gặp mặt các doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu nhân ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10).

Kết quả thu hút đầu tư năm 2025 (tính đến ngày 30/11/2025), trên địa bàn tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp GCNĐKĐT cho 73 dự án/TMĐT 16.104,4 tỷ đồng, điều chỉnh cho 186 lượt dự án, trong đó điều chỉnh vốn cho 52 lượt dự án/TMĐT tăng 24.177,8 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm: 40.282,2 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư FDI đã cấp mới cho 22 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 303,85 triệu USD (chiếm 30,1% về số lượng dự án và 47,9% về tổng vốn đầu tư), điều chỉnh vốn cho 16 dự án/TMĐT tăng 698,96 triệu USD. Tổng vốn cấp mới và điều chỉnh là 1.002,81 triệu USD, tiếp tục nằm trong nhóm các địa phương thu hút FDI lớn nhất cả nước.

Một số dự án lớn đã thu hút đầu tư trong năm như: Khu công nghiệp VSIP Nghệ An 3 52,5 triệu USD; Dự án Khu dân cư VSIP Nghệ An - Casa Bonita 88,84 triệu USD; Dự án sản xuất công nghệ quang học thông minh Sunny (Việt Nam) tại KCN WHA 11 triệu USD...; Điều chỉnh tăng TMĐT dự án Công ty TNHH Fu Wing Interconnect Technology tại KCN WHA tăng 150 triệu USD, Nhà máy điện

²¹ Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh

²² Văn bản số 2259/UBND-KSTT ngày 25/3/2025, Văn bản số 2462/UBND-TH ngày 31/3/2025, Văn bản số 4368/UBND-KSTT ngày 20/5/2025.

²³ Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 16/4/2025 thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025, 2026; Văn bản số 3976/UBND-KSTT ngày 09/5/2025.

rác Galax tăng 2.928,8 tỷ đồng; Nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu Andromeda tại KCN Hoàng Mai I tăng 32 triệu USD...

b) Công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư sau cấp phép được chỉ đạo quyết liệt: UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục chủ động triển khai hiệu quả Kế hoạch số 614/KH-UBND ngày 22/8/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án treo, dự án chậm tiến độ và dự án sử dụng đất không đúng mục đích trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo, xử lý, phê duyệt kết quả kiểm tra các dự án của Đoàn kiểm tra liên ngành năm 2024. Lũy kế đến nay đã chấm dứt hoạt động đối với 308 dự án với tổng diện tích quy hoạch gần 122.328 ha. Ban hành Văn bản số 9514/UBND-CN ngày 11/9/2025 giao các sở, ngành, địa phương giám sát, theo dõi đôn đốc các dự án đầu tư.

c) Công tác phát triển doanh nghiệp: Năm 2025 (tính đến ngày 30/11/2025), toàn tỉnh đã thành lập mới 2.909 doanh nghiệp (tăng 42,2%) với tổng số vốn đăng ký 32.824 tỷ đồng (tăng 61,04% so với cùng kỳ).

Về tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX): Đến tháng 11/2025, toàn tỉnh có 934 HTX (trong đó 729 HTX nông nghiệp và 205 HTX phi nông nghiệp), trong đó có 495 HTX hoạt động hiệu quả, chiếm 52,99% (bao gồm 101 HTX có ứng dụng công nghệ cao; 120 HTX có sản phẩm đạt hạng sao OCOP, với 216 sản phẩm; 278 hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

4. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị

- Về công tác quy hoạch: Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch tỉnh đã phê duyệt; rà soát lập quy hoạch đô thị, nông thôn và quy hoạch các khu chức năng theo quy định mới, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 9608/UBND-CN ngày 15/9/2025.

- Công tác quản lý và phát triển đô thị, quản lý nhà ở tiếp tục được đẩy mạnh. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nghệ An đến năm 2030. Tích cực triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (dự án 5)²⁴; Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn

²⁴ UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 (mục tiêu 6.670 hộ được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn 04 huyện trước đây là Kỳ Sơn, Quế Phong, Tương Dương, Quỳnh Châu). Đến nay, đã hoàn thành xây mới và sửa chữa nhà ở cho 306 hộ; đang xây mới và sửa chữa cho 559 hộ; tổng số vốn đã được giải ngân là 10.582 triệu đồng (NSTW 9.220 triệu đồng; NSDP 1.362 triệu đồng).

2021-2030”²⁵. Trong năm 2025, đã cấp giấy phép xây dựng cho 03 dự án nhà ở xã hội²⁶ với tổng 520 căn. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06 dự án, công trình nhà ở xã hội đang triển khai thi công xây dựng với tổng 2.292 căn. Dự kiến trong năm 2025, tỉnh Nghệ An sẽ hoàn thành vượt chỉ tiêu 1.420 căn nhà ở xã hội được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác kiểm tra, quản lý xây dựng được tăng cường; các cơ quan chức năng đã kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành 150 công trình/hạng mục công trình xây dựng. Kịp thời công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng làm cơ sở để các chủ đầu tư lập dự toán, thanh quyết toán các công trình, dự án. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan kịp thời triển khai Công điện số 85/CD-TTg ngày 10/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp quản lý, bình ổn giá vật liệu xây dựng²⁷.

5. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

- Giáo dục và đào tạo:

Ngành giáo dục hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2024-2025 với nhiều thành tích nổi bật về cả giáo dục đại trà và mũi nhọn (kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, Nghệ An xếp thứ nhất cả nước; chất lượng giáo dục mũi nhọn tiếp tục giữ vững vị trí tốp đầu²⁸). Tổ chức các kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, chuyên Phan Bội Châu và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 bảo đảm nghiêm túc, an toàn, đúng quy chế; đồng thời chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm học mới 2025-2026. Tổ chức Lễ tuyên dương học sinh đạt giải quốc tế, khu vực, quốc gia năm học 2024 - 2025 và học sinh đạt điểm cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Tổ chức Lễ phát động “Tuần lễ học tập suốt đời” với chủ đề “Học để phát triển bản thân, làm chủ tri thức và công nghệ, góp phần xây dựng đất nước hùng cường thịnh vượng” và triển khai nhiều phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả²⁹.

Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Đề án số 14/ĐA-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng

²⁵ Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 748/KH-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh.

²⁶ Sở Xây dựng cấp GPXD 01 công trình, Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam cấp GPXD 02 công trình

²⁷ trong năm, nguồn cung vật liệu xây dựng như cát, sỏi, đá, đất san lấp trên địa bàn giảm mạnh (do một số mỏ tạm dừng hoặc giảm công suất để hoàn thiện hồ sơ pháp lý, đấu giá quyền khai thác hoặc hết hạn khai thác chưa được gia hạn/cấp phép mới; sản lượng 1 số mỏ cát vàng, sỏi giảm do chi phí nạo vét tăng cao/các quy định hạn chế khai thác để bảo vệ dòng chảy...)

²⁸ Nghệ An là địa phương đứng thứ 5 cả nước với 96 học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia năm học 2024-2025; các học sinh Nghệ An đã đạt 04 Huy chương Vàng (Toán học quốc tế, Hoá học quốc tế, Vật lý quốc tế và Vật lý Châu Á), 02 Huy chương Bạc Vật lý Châu Á và Châu Âu; Huy chương Đồng cuộc thi Olympiad quốc tế tiếng Nga.

²⁹ Phong trào thi đua 90 ngày đêm quyết tâm đạt kết quả cao trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025; phong trào thi đua Tháng tự học tiếng Anh; Đồi mới sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập; phong trào "Xây dựng trường học hạnh phúc" gắn với việc "xây dựng trường học An toàn - Xanh - Sạch - Đẹp"; phong trào "Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở"...

cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An vào Trường Đại học Kinh tế Nghệ An và đổi tên thành Trường Đại học Nghệ An theo Quyết định 1653/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 374/KH-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo gắn với thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục; Nghị quyết đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; đáp ứng hội nhập quốc tế trong tình hình mới của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh. Giao chỉ tiêu và tiếp nhận lưu học sinh Lào sang học tập tại Nghệ An năm học 2025-2026. Chất lượng phổ cập giáo dục tại các địa phương trên địa bàn tỉnh tiếp tục được nâng lên³⁰. Công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm thực hiện (dự kiến đến cuối năm 2025, toàn tỉnh có 1.169 trường đạt chuẩn quốc gia³¹, đạt tỷ lệ 80,5%, vượt chỉ tiêu đề ra).

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được tăng cường³². Dự ước cả năm 2025, toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo cho 54.500 lượt người, đạt 83,1% (trong đó cao đẳng 4.800 người; trung cấp 8.700 người; Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 41.000 lượt người); tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 71,5%.

- Công tác y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Ngành y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, nâng cao chất lượng bệnh viện; tăng cường kết nối với các bệnh viện tuyến trên, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ y tế³³. Cải tiến quy trình khám chữa bệnh để giảm tối đa thời gian chờ đợi; xây dựng cơ sở y tế “xanh - sạch - đẹp”, tăng cường công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp, quy tắc giao tiếp, ứng xử và các quy định về y đức cho đội ngũ cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người bệnh. Hoàn thành việc triển khai bệnh án điện tử tại các đơn vị khám chữa bệnh công lập và triển khai cổng thông tin cơ sở dữ liệu điện tử ngành y tế.

Các bệnh truyền nhiễm như sốt xuất huyết, tay chân miệng, ho gà, sởi, thủy đậu... được theo dõi, giám sát chặt chẽ, không để lây lan diện rộng. Công tác quản lý hành nghề y, dược được đẩy mạnh³⁴, chỉ đạo các đơn vị bảo đảm cung ứng đầy đủ thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh; tăng cường các hoạt động thanh tra, giám sát lĩnh vực y tế. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn được tăng cường³⁵. Thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi sức khỏe bà mẹ, trẻ em và công tác tiêm chủng mở rộng³⁶. Quan tâm chỉ đạo công tác rà soát, bảo đảm vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sau mưa lũ, ngập úng; tổ chức khám, chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân tại các khu vực bị ảnh hưởng do lũ lụt trên địa bàn. Tổ chức truyền thông, vận động, lồng ghép cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn đạt nhiều

³⁰ Đến nay, đã hoàn thành chỉ tiêu về phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; tiếp tục phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và xoá mù chữ mức độ 2.

³¹ Gồm: 406 trường mầm non, 419 trường tiểu học, 283 trường THCS và 58 trường THPT.

kết quả tốt. Ước đến cuối năm 2025, tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 92,4%; tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ đạt trên 90%; 13,2 bác sỹ/10.000 dân; 42,75 giường bệnh/10.000 dân...

- Văn hóa, thể thao:

Đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền chào mừng các sự kiện văn hóa, các ngày lễ lớn³⁷. Tổ chức thành công chuỗi các hoạt động kỷ niệm 135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh³⁸ (19/5/1980 - 19/5/2025), đặc biệt là Lễ hội Làng Sen năm 2025 và khánh thành Tượng “Bác Hồ về thăm quê”. Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở gắn với phong trào nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần làm thay đổi diện mạo, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được các địa phương tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, phát huy tốt công năng sử dụng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XII về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 33-NQ/TW. Phong trào thể dục thể thao quần chúng, thành tích cao tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được kết quả tích cực tại các giải quy mô cấp tỉnh và cấp quốc

³² Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 54 cơ sở GDNN và cơ sở có tham gia đào tạo nghề nghiệp, gồm: 9 trường cao đẳng, 12 trường trung cấp, 02 trung tâm GDNN, 19 trung tâm GDNN - GDTX và 12 cơ sở có tham gia đào tạo nghề nghiệp. Trong đó, có 03 trường chất lượng cao; 16 trường có các nghề trọng điểm theo cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia.

Tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh GDNN và ký kết hợp tác đào tạo, tuyển dụng lao động tỉnh Nghệ An năm 2025. Tổ chức kiểm tra thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo GDNN tại 06 đơn vị được UBND tỉnh giao chỉ tiêu; ban hành kết luận kiểm tra và chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác tuyển sinh, đào tạo giáo dục nghề nghiệp tại các đơn vị kiểm tra; chỉ đạo tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn sau khi có hướng dẫn chi tiết của Trung ương.

³³ Hợp tác với Bệnh viện Trường Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Việt - Đức, Bệnh viện Bạch Mai,...); các cơ sở khám chữa bệnh thường xuyên kết nối với các bệnh viện tuyến trung ương (Bạch Mai, Việt Đức, Phụ Sản TW, Nhi TW, K TW, Nội tiết TW...), mời các bác sỹ về triển khai kỹ thuật chuyên sâu tại đơn vị giúp chuyển giao kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho đội ngũ y bác sỹ tại tỉnh. Thường xuyên hội chẩn trực tuyến qua các hoạt động khám, chữa bệnh từ xa.

³⁴ Tính đến 31/10/2025, trên địa bàn có 3.807 cơ sở hành nghề y, dược, bao gồm: 755 cơ sở hành nghề y (19 bệnh viện, 41 phòng khám đa khoa và 695 phòng khám chuyên khoa, dịch vụ y tế) và 3.052 cơ sở hành nghề dược (108 công ty và chi nhánh; 851 nhà thuốc; 2.093 quầy thuốc).

³⁵ Ban hành Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 09/4/2025 của UBND tỉnh về “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2025 trên địa bàn tỉnh với chủ đề “Bảo đảm an toàn thực phẩm, trong đó chú trọng an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể, dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố”.

³⁶ Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt 79,5%, ước cả năm trên 95%. Tỷ lệ tiêm chủng uốn ván đủ 2 mũi trở lên cho phụ nữ có thai đạt 70,3%, ước cả năm trên 90%.

³⁷ Chương trình mừng Đảng, mừng Xuân Ất Tỵ 2025; kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam; Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam (19/4); kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2025); kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025); 995 năm Danh xưng Nghệ An (1030 - 2025), 95 năm Ngày Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930 - 12/9/2025); tuyên truyền, triển lãm ảnh phục vụ Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Nghệ An - năm 2025; Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX,...

³⁸ Tuần phim kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội diễn “Tiếng hát Làng Sen”, Chương trình nghệ thuật “Từ Làng Sen đến Thành phố Hồ Chí Minh”; Lễ chào cờ và bay đại kỳ Tổ quốc kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh...

gia, quốc tế³⁹. Dự kiến đến cuối năm 2025, tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa đạt 73%; tỷ lệ phường, xã, thị trấn có thiết chế văn hoá - thể thao đạt chuẩn 82%.

- Hoạt động khoa học công nghệ:

Hoạt động khoa học và công nghệ được quan tâm chỉ đạo đổi mới, có nhiều chuyển biến tích cực, bảo đảm tính trọng tâm. Năm 2025, đã tổ chức quản lý 49 đề tài, dự án KHCN (04 dự án cấp Bộ và 45 đề tài, dự án cấp tỉnh); các đề án, dự án được thực hiện tốt, bảo đảm nội dung và tiến độ đề ra. So sánh với cùng kỳ năm 2024, hoạt động khoa học công nghệ đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận (đã tuyển chọn 16 đề tài, tăng 23,7% so với cùng kỳ; nghiệm thu 12 đề tài, dự án, gấp 03 lần cùng kỳ; kiểm tra việc thực hiện 31 đề tài, dự án, tăng 55%). Quyết liệt chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (UBND tỉnh đã quán triệt, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện⁴⁰; tham mưu Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động số 328-KH/TU ngày 24/4/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh Nghệ An⁴¹). Tổ chức thành công chuỗi sự kiện ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nghệ An mở rộng năm 2025 (Techfest Nghệ An Open 2025), bao gồm Triển lãm các sản phẩm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và Lễ trao giải Cuộc thi Tìm kiếm tài năng Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Nghệ An mở rộng năm 2025.

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Công tác lao động, việc làm và đảm bảo an sinh xã hội:

Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm, an toàn lao động tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Hoạt động kết nối cung - cầu lao động tiếp tục được tăng cường⁴². Tổ chức các ngày hội việc làm (đợt 1 tại KCN VSIP Nghệ An, đợt

³⁹ Tổ chức và tham gia các giải thể thao quần chúng (giải chạy phong trào “Chung một quyết tâm - Vì cộng đồng không ma túy” Nghệ An năm 2025; giải vô địch Bơi các CLB tỉnh Nghệ An năm 2025; giải vô địch các CLB Vovinam tỉnh Nghệ An; giải vô địch các đội mạnh Vovinam quốc gia; giải vô địch Vật dân tộc quốc gia; giải vô địch đá cầu trẻ quốc gia quốc gia; giải vô địch Jujitsu quốc gia; giải vô địch Đẩy gậy, vô địch Kéo co toàn quốc tại Điện Biên; giải Cầu lông, bóng bàn gia đình toàn quốc đạt; giải Bơi cứu đuối Thanh thiếu nhi, học sinh toàn quốc; giải vô địch trẻ kéo co quốc gia). Tính đến ngày 24/11/2025, đoàn thể thao Nghệ An đã tham gia 85 giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế, đạt 530 huy chương các loại, gồm: 156 huy chương vàng, 148 huy chương bạc và 226 huy chương đồng.

⁴⁰ Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh cụ thể hóa và tổ chức thực hiện; triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn đến toàn bộ cán bộ, đảng viên về chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức ký kết hợp tác giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An với Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội và Nhân văn.

⁴¹ Quyết định số 3404-QĐ/TU ngày 26/3/2025 của Tỉnh ủy

⁴² Thành lập BCD công tác kết nối cung - cầu lao động, giải quyết việc làm, thu hút lao động cho các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2025 - 2030 và ban hành Quy chế hoạt động của BCD. Ban hành Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 14/3/2025 thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TU ngày

2 tại KCN WHA Nghệ An), thu hút lao động cho các doanh nghiệp trong khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Nghệ An. Tổ chức thành công Hội nghị kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhu cầu tuyển dụng lao động. Ước cả năm 2025, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 49.000 người (đạt 106,52% kế hoạch, tăng 1,03% so với cùng kỳ), trong đó, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 19.000 người (đạt 118,75% kế hoạch, bằng 92,68% so với cùng kỳ).

Công tác an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo; thực hiện kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng chính sách, người nghèo, người lao động⁴³. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh dự ước đến cuối năm 2025 là 3,16%, giảm 1% so với đầu năm. Tổ chức thành công Chương trình “Tết Vì người nghèo - Xuân Ất Ty năm 2025” (toàn tỉnh có 157.416 người có công và thân nhân người có công với cách mạng được tặng quà, với số tiền trên 50,2 tỷ đồng).

Công tác cai nghiện ma túy, phòng, chống mại dâm, chống tội phạm buôn bán người, mua bán trẻ em được quan tâm chỉ đạo; làm tốt công tác tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới luôn được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả quan trọng. Các hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh liệt sỹ được tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa, trang trọng. Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì trẻ em quan tâm công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn⁴⁴. Công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ quan tâm thực hiện.

Chương trình vận động, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà cho người nghèo, người có khó khăn về nhà ở được triển khai quyết liệt; đến nay, tỉnh đã hoàn thành mục tiêu xoá 20.802 căn nhà tạm, dột nát (trong đó: xây mới 14.381 căn, sửa chữa 6.421 căn), đạt 100% nhu cầu rà soát⁴⁵. Kịp thời chỉ đạo huy động các lực lượng khắc phục hậu quả do thiên tai, mưa bão trên địa bàn một cách nhanh nhất, khẩn trương nhất để sớm ổn định cuộc sống Nhân dân⁴⁶.

- Bảo hiểm xã hội:

Ngành bảo hiểm xã hội đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để phát triển số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), giải quyết đúng, đủ, kịp thời các chế độ, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH, BHYT. Ước tính năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia BHYT ước đạt 95% dân số; tỷ lệ người tham gia BHXH đạt 27%; giải quyết 167.210 lượt người hưởng chế độ BHXH, tăng 954 lượt người (0,57%); số lượt

08/01/2025 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kết nối cung - cầu lao động, giải quyết việc làm, thu hút lao động cho các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2025 – 2030.

⁴³ Thực hiện tốt chế độ chi trả trợ cấp thường xuyên cho 63.350 đối tượng với số tiền gần 200 tỷ đồng/tháng.

⁴⁴ Toàn tỉnh đã vận động trợ giúp được cả tiền mặt, hiện vật và chuyên môn kỹ thuật trị giá hơn 36,4 tỷ đồng hỗ trợ cho 71.145 trẻ, trong đó, Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh đã huy động được 14,6 tỷ đồng; cấp huyện 21,8 tỷ đồng. Dự án phòng chống đuối nước trẻ em do tổ chức Campaign for Tobacco – free Kids, Hoa Kỳ tài trợ 2,228 tỷ đồng với 15.100 lượt trẻ em được hưởng lợi, số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc 86.245 lượt em/ 44,1 tỷ đồng.

khám chữa bệnh BHYT có 5,85 triệu lượt; tăng 98,5 nghìn lượt (1,71%) so với cùng kỳ.

- Công tác dân tộc:

Công tác dân tộc và chính sách dân tộc tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; đặc biệt là tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, chính sách an sinh xã hội được triển khai đồng bộ, cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân ngày càng được quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên⁴⁷.

6. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt công tác đăng ký đất đai, đăng ký biến động đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo thẩm quyền; việc xử lý các khó khăn trong vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được quan tâm⁴⁸; thực hiện tốt công tác xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai⁴⁹. Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn được tăng cường, chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về khai thác tài nguyên, đặc biệt là cát sỏi lòng sông; thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 18/4/2025).

Đã hoàn thành xử lý, phục hồi môi trường tại ba điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn; thực hiện quan trắc, theo dõi, giám sát chất lượng môi trường định kỳ (triển khai lắp đặt 26/28 cơ sở quan trắc môi trường tự động và 27/29 cơ sở truyền số liệu về hệ thống quản lý dữ liệu). Ban hành Kế hoạch số

⁴⁵ Trong đó, Chương trình hỗ trợ từ nguồn xã hội hóa: 10.678 căn (xây mới 8.620 căn, sửa chữa 2.058 căn); 02 Chương trình MTQG: 6.950 căn (xây mới 4.315 căn, sửa chữa 2.635 căn); Chương trình hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà cho đối tượng người có công và thân nhân liệt sỹ (gọi tắt là hỗ trợ nhà cho đối tượng người có công): 3.174 căn (xây mới 1.446 căn, sửa chữa 1.728 căn).

⁴⁶ Tổng kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương đã sử dụng để khắc phục thiệt hại là 412 tỷ đồng; được ngân sách trung ương hỗ trợ 02 đợt với số vốn 800 tỷ đồng; tiền, hàng cứu trợ thông qua Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Hội chữ thập đỏ tỉnh hơn 500 tỷ đồng. Đặc biệt, Bộ Công an và tỉnh Nghệ An đã phối hợp tổ chức lễ phát động cao điểm 40 ngày đêm xây dựng nhà, trường học hỗ trợ bà con nhân dân và học sinh các xã miền Tây Nghệ An chịu thiệt hại nặng nề do mưa lũ gây ra (*Xây dựng 500 căn nhà cho người dân các xã miền Tây Nghệ An; đồng thời, xây dựng lại Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Mỹ Lý 2 bị hư hỏng hoàn toàn sau cơn lũ lịch sử vừa qua; xây dựng lại Trạm Y tế xã Mỹ Lý với kinh phí 15 tỷ đồng...*).

⁴⁷ Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm hơn 3%/năm; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp đạt 99,4%; tỷ lệ trường, lớp học được xây dựng kiên cố đạt 80,6%; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 86,1%...

⁴⁸ Đã hướng dẫn địa phương xử lý các vướng mắc về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trọng điểm như: Dự án khôi phục Quốc lộ 1A giai đoạn 1993 - 1995; Dự án Cải tạo, nâng cấp QL7A; Dự án đường ven biển; Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu và Đường dây 500kV Quỳnh Lưu - Thanh Hoá trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Mai I và Khu công nghiệp Hoàng Mai II; Dự án Hồ chứa nước Bản Mông...; kịp thời xử lý vướng mắc, tham mưu giao đất, cho thuê đất, cấp GCN cho các dự án trọng điểm (đường sắt cao tốc, đường ven biển, KCN VSIP, Hoàng Mai, Thọ Lộc, hồ Bản Mông, cảng hàng không Vinh...).

⁴⁹ Thực hiện số hóa, liên thông dữ liệu với cơ quan Thuế và Công an theo Đề án 06; 100% hồ sơ đất đai được tiếp nhận, giải quyết trên dịch vụ công.

323/KH-UBND ngày 07/5/2025 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tập trung triển khai nhiều nhiệm vụ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về nguồn cung vật liệu xây dựng đá, cát, đất san lấp phục vụ các công trình trọng điểm trên địa bàn.

Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động, tập trung triển khai công tác ứng phó với mưa lũ, sạt lở đất, khắc phục hậu quả thiên tai (đặc biệt là ảnh hưởng của cơn bão số 3, số 5 và số 10), bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của người dân⁵⁰.

7. Công tác cải cách hành chính, quản lý nhà nước

- Công tác rà soát, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và chính quyền địa phương 02 cấp được triển khai quyết liệt, bảo đảm tiến độ, yêu cầu, chỉ đạo của Trung ương. Sau sắp xếp, toàn tỉnh còn 14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (giảm 06 cơ quan) và 130 đơn vị hành chính cấp xã (giảm 282 đơn vị). Tập trung chỉ đạo công tác chuyển tiếp, chuyển giao, phân công, phân cấp nhiệm vụ; xử lý tài chính, ngân sách giữa các cấp; phê duyệt phương án sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công sau sắp xếp. Đồng thời, rà soát, xây dựng, ban hành kịp thời các quy chế, quy định, cơ chế phối hợp; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025.

- Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số được tập trung chỉ đạo và đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đã ban hành Chương trình công tác năm 2025⁵¹ với phương châm “Rõ nội dung công việc; rõ bộ phận tham mưu; rõ cá nhân lãnh đạo, chỉ đạo; rõ thời gian hoàn thành; rõ sản phẩm công việc”; lựa chọn 06 đơn vị⁵² để tập trung chỉ đạo điểm về CCHC. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025⁵³ với 08 mục tiêu, 33 nhiệm vụ, 06 nhóm giải pháp; đến nay đã hoàn thành 29/33 nhiệm vụ (đạt 87,9%), dự kiến hoàn thành 100% vào cuối năm. Đồng thời chỉ đạo các cấp, ngành đẩy mạnh CCHC toàn diện, khắc phục tồn tại, hạn chế⁵⁴, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đánh giá cụ thể các tiêu chí thành phần bị mất điểm của các chỉ số CCHC (PAR Index, SIPAS, PAPI), chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện chỉ số trong thời gian tới; đồng thời rà soát, sửa đổi bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng CCHC các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá tình hình sau hơn 01 tháng triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; thành lập 04 Tổ công tác để chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh⁵⁵. Duy trì lịch tiếp công dân định kỳ

⁵⁰ Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh đã ban hành 15 Công điện để kịp thời chỉ đạo các địa phương chủ động ứng phó mưa lũ.

⁵¹ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 26/02/2025 của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Nghệ An

⁵² Sớ Y tế, Sớ Công Thương, các huyện Kỳ Sơn, Thanh Chương, Quỳnh Lưu, Quế Phong.

⁵³ Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 15/7/2025, thay thế Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 30/12/2024

⁵⁴ Công văn số 6624/UBND-KSTT ngày 08/7/2025 của UBND tỉnh

⁵⁵ Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh.

(ngày 05 và 15 hằng tháng) do Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì để kịp thời nắm bắt, giải quyết các vấn đề nổi cộm ở cơ sở.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC ở các cấp⁵⁶ theo hướng đơn giản, thuận lợi, minh bạch với tiêu chí “3 tăng, 2 giảm, 2 không”⁵⁷. Chỉ đạo thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Triển khai việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 theo Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh⁵⁸; đến cuối tháng 10/2025, có 9/10 sở, ngành đã hoàn thành phương án đơn giản hóa 68/73 TTHC; toàn tỉnh đã công bố, công khai 2.267 TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, thiết lập quy trình điện tử cho 100% TTHC. Nhiều địa phương tổ chức giải quyết TTHC ngoài giờ hành chính với mô hình “Ngày thứ Bảy vì dân”, “Ngày Chủ nhật vì dân”. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 70,32%; dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 40,64%; thanh toán trực tuyến đạt 83,26%.

Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, nâng cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong giải quyết công việc; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh⁵⁹ (06 tháng đầu năm, đã kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 02 Sở, ngành; 07 UBND cấp huyện; 14 xã, phường, thị trấn. Từ 01/7/2025 đến nay, đã kiểm tra 28 cơ quan, đơn vị, địa phương⁶⁰).

- Tổ chức thành công Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh Nghệ An năm 2025, biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến, những nhân tố tiêu biểu, xuất sắc nhất trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020 - 2025.

- Đề án số 06/CP về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm

⁵⁶ Kế hoạch số 87/KH-UBND tỉnh ngày 31/01/2025 của UBND tỉnh về triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án 06/CP trên địa bàn Nghệ An năm 2025; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 31/01/2025 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tỉnh Nghệ An năm 2025; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 22/02/2025 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

⁵⁷ “3 tăng”: tăng tính công khai minh bạch, trách nhiệm trong thực thi công vụ; tăng cường giải quyết TTHC qua môi trường mạng; tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; “2 giảm”: giảm thời gian thực hiện TTHC; giảm chi phí tuân thủ TTHC; “2 không”: không gây phiền hà, sách nhiễu; không trễ hẹn.

⁵⁸ Về phê duyệt phương án đơn giản hóa 73 TTHC trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025 tại 10 sở, ngành. Trong đó tỷ lệ thời gian cắt giảm trung bình là 35%, Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%.

⁵⁹ Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Quyết định số 1811/QĐ-UBND, ngày 24/6/2025 kiện toàn các Tổ kiểm tra của Đoàn kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

⁶⁰ UBND phường Trường Vinh, Hoàng Mai, Cửa Lò, Thái Hòa, Quỳnh Mai; UBND các xã: Hưng Nguyên, Hưng Nguyên Nam, Mường Xén, Hữu Kiệm, Trương Dương, Tân Kỳ, Tiên Đồng, Nghĩa Hành, Tân An, Quỳnh Lưu, An Châu, Minh Châu, Hải Lộc, Nghi Lộc, Đô Lương, Thuần Trung, Thần Lĩnh, Phúc Lộc, Huồi Tụ, Lương Sơn, Mường Lống, Quý Châu, Tam Hợp

nhìn đến năm 2030⁶¹ tiếp tục được chỉ đạo triển khai quyết liệt, hiệu quả; được Thủ tướng Chính phủ biểu dương là một trong những tỉnh, thành tiêu biểu có cách làm hay, sáng tạo trong triển khai các nhiệm vụ của Đề án⁶². Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ đối với 179 TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ngành có thể sử dụng thông tin giấy tờ tích hợp tại VNeID thay thế giấy tờ yêu cầu trong thành phần hồ sơ.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 722/KH-UBND ngày 03/9/2025 thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

8. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và đối ngoại

a) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo

- Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được tăng cường, triển khai thực hiện hiệu quả; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chủ động làm tốt công tác sắp xếp, tổ chức lại cơ quan quân sự địa phương theo chủ trương của Bộ Quốc phòng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, đúng lộ trình các Đề án nhiệm vụ quân sự, quốc phòng giai đoạn 2021-2025⁶³. Chỉ đạo các địa phương tổ chức tuyển chọn và giao quân đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng (tổng 3.578 đồng chí); tổ chức đón, tư vấn giới thiệu việc làm cho 3.035 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; hoàn thiện hồ sơ cho 354 thí sinh trúng tuyển vào các học viện, trường quân sự. Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ công tác cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng vũ trang tỉnh Xiêng Khoảng/Lào. Xây dựng các công trình chiến đấu đúng tiến độ. Huy động gần 130.000 lượt bộ đội, dân quân tự vệ tham gia phòng chống, khắc phục hậu quả

⁶¹ Triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp và Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; đơn đốc hoàn thành số hóa 100% dữ liệu hộ tịch; kết nối dữ liệu đất đai đã số hóa; thu nhận mẫu ADN cho 545 thân nhân anh hùng liệt sĩ chưa xác định danh tính với mục tiêu xây dựng “Ngân hàng ADN”; Triển khai “Chiến dịch tích hợp Thẻ bảo hiểm y tế lên ứng dụng VNeID” để hình thành Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn (đến nay, có 793.085/3.762.005 người dân thường trú tích hợp, đạt 21,1%). Nghệ An tiếp tục được Thủ tướng Chính phủ biểu dương là một trong những tỉnh, thành tiêu biểu có cách làm hay, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ của Đề án 06/CP

⁶² Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06/CP. Triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp và Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; đơn đốc hoàn thành số hóa 100% dữ liệu Hộ tịch, kết nối dữ liệu đất đai đã số hóa; thu nhận mẫu ADN cho 545 thân nhân anh hùng liệt sĩ chưa xác định danh tính với mục tiêu xây dựng “Ngân hàng ADN”. Triển khai hiệu quả “Chiến dịch tích hợp Thẻ bảo hiểm y tế lên ứng dụng VNeID” để hình thành Sổ sức khỏe điện tử trên địa bàn tỉnh (tính đến ngày 09/9/2025 có 915.921/3.757.866 người dân thường trú tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VneID, đạt 24,7%). Làm sạch 100% dữ liệu đối tượng, dữ liệu danh bản phục vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VneID, vượt tiến độ đề ra của Bộ). Triển khai thực hiện cao điểm 90 ngày, đêm làm sạch dữ liệu hôn nhân và cả giảm thủ tục xác định tình trạng hôn nhân trên địa bàn tỉnh (đến nay, đã rà soát 100% hồ sơ bản án, quyết định ly hôn đồng bộ lên cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư).

⁶³ Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 17/NQ/2025/NQ-HĐND ngày 05/9/2025 quy định mức trợ cấp ngày lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 3393/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh ban hành Đề án Nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ PTDS, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của Bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ, Dự bị động viên tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030; hoàn thiện các Đề án Xây dựng thế trận quân sự trong KVPT tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2026 - 2030, Đề án “Tổ chức lực lượng, bảo đảm hoạt động cho Dân quân thường trực và xây dựng, cải tạo trụ sở Ban CHQS xã, phường giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An...”

do thiên tai, cháy nổ, cháy rừng trên địa bàn. Tổ chức diễn tập Phòng thủ khu vực Ban Chỉ huy PTKV 1 - Vạn An, diễn tập tác chiến xã Yên Trung trong khu vực phòng thủ thành công tốt đẹp, được Bộ Quốc phòng, Quân khu 4 đánh giá cao.

- Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 90 năm ngày truyền thống lực lượng Dân quân tự vệ; 80 năm ngày truyền thống LLVT tỉnh (21/8/1945-21/8/2025) và đón nhận Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân sự tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2025 - 2030, làm điểm cho Quân khu rút kinh nghiệm. Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tham gia cuộc thi “Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội” lần thứ 25 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba; thi tìm hiểu 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước⁶⁴. Tham gia Chương trình Gameshow “Sắc màu sao vuông”, hội thao thể dục thể thao cấp Quân khu đạt giải Nhất; hội thao các câu lạc bộ võ thuật toàn quân năm 2025 đạt kết quả cao. Tìm kiếm, quy tập và tổ chức Lễ an táng 76 hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào mùa khô 2024 - 2025 chu đáo, trang trọng. Thu gom, hủy nổ 07 quả bom, 06 quả đạn pháo 100mm, 10 quả đạn pháo 85mm, 12 quả lựu đạn còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn bảo đảm an toàn. Thực hiện tốt công tác dân vận gắn với phong trào “Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới”, chương trình “Tôi yêu Tổ quốc tôi - tặng quà cho ngư dân đi biển” (tặng 13.000 lá cờ); phong trào “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước năm 2025”, phối hợp xây dựng 34 “Nhà đồng đội”, “Nhà đại đoàn kết”, “Nhà tình nghĩa” với số tiền 2,34 tỷ đồng.

- An ninh quốc gia được giữ vững ổn định, bình yên. Các vụ việc nổi lên đều được chỉ đạo giải quyết từ sớm, từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ, phát sinh “điểm nóng”, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân. Trong đó, an ninh tôn giáo, biên giới, miền núi, dân tộc được chú trọng quan tâm chỉ đạo thực hiện và giữ yên. Công tác giải quyết khiếu kiện đạt được nhiều kết quả tích cực (giải quyết dứt điểm 03 vụ việc khiếu kiện kéo dài lâu năm và 08 điểm khiếu kiện phát sinh khác). An ninh kinh tế được tăng cường, tạo được môi trường đầu tư an toàn và tháo gỡ nhiều “điểm nghẽn” trong giải phóng mặt bằng triển khai các dự án trọng điểm bảo đảm tiến độ đề ra. Triển khai đồng bộ lực lượng, biện pháp, giải pháp bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn 15 sự kiện chính trị, văn hóa lớn (nhất là Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX; Chuỗi hoạt động Lễ hội Làng Sen năm 2025...) và 93 đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước có chương trình hoạt động trên địa bàn.

- Trật tự xã hội có những chuyển biến tích cực, tình hình tội phạm xâm phạm trật tự xã hội được kìm giữ, kéo giảm hơn 11,7% so với cùng kỳ năm 2024; tỷ lệ khám phá đạt cao (92,2%), riêng trọng án đạt 100%, không để tồn tại, phát sinh tội phạm băng ổ nhóm, hoạt động theo kiểu “xã hội đen” và các điểm, tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội gây bức xúc trong Nhân dân. Trong đó, năm 2025, lực lượng Công an đã điều tra làm rõ 555/602 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ 1.248 đối

⁶⁴ Cấp Bộ đạt 02 giải C; Quân khu tặng 01 bằng khen tập thể, 01 giải A, 02 giải B, 01 giải C và 03 giải khuyến khích.

tượng; bắt giữ 665 vụ, 1006 đối tượng về ma túy (làm sạch 28 đơn vị cấp xã đảm bảo tiêu chí không ma túy); bắt giữ, xử lý 2.981 vụ việc, 3.435 đối tượng vi phạm pháp luật về tham nhũng, chức vụ, trật tự quản lý kinh tế; môi trường. Tăng cường tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông, vi phạm nồng độ cồn, tốc độ⁶⁵ và gắn với thực hiện công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm⁶⁶. Tổ chức lực lượng ứng trực 100%, “xuyên ngày, đêm, xuyên lễ, Tết”, thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Thành lập và triển khai các Tổ CSGT địa bàn sau khi không tổ chức Công an cấp huyện, bảo đảm tuần tra, xử lý vi phạm ATGT khép kín địa bàn.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy trong các dịp lễ, tết; khu vực tập trung đông người, hàng hóa, nguy cơ cháy cao được tăng cường⁶⁷. Tổ chức thành công Hội thi thể thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, khu vực III tại Nghệ An trong chương trình Đại hội khỏe “Vì An ninh Tổ quốc” lần thứ 9 (đạt giải nhất toàn đoàn). Huy động hơn 3.600 lượt cán bộ, chiến sỹ cứu chữa kịp thời các vụ cháy, sự cố xảy ra, hạn chế thấp nhất thiệt hại. Công tác quản lý cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện trên địa bàn được chỉ đạo thực hiện tốt. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trên địa bàn⁶⁸. Tổ chức các hoạt động thiết thực, ý nghĩa hưởng ứng 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ trên địa bàn.

b) Hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại được triển khai đồng bộ, với nhiều hoạt động nổi bật. Lãnh đạo tỉnh đã làm việc với các đoàn quốc tế nhằm tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược và mở rộng các lĩnh vực hợp tác mới⁶⁹. Tổ

⁶⁵ Tổ chức 35.719 ca TTKSGT với 116.453 lượt CBCS tham gia; phát hiện, lập biên bản xử phạt hành chính về TTATGT 84.169 trường hợp, quyết định xử phạt 74.334 trường hợp với số tiền phạt 131 tỷ đồng. Tổ chức 247 buổi tuyên truyền, ký cam kết bảo đảm TTATGT đối với 126.060 học sinh, giáo viên, người dân trên địa bàn.

⁶⁶ Thông qua tuần tra, kiểm soát, phát hiện, xử lý: 176 vụ, 213 đối tượng phạm tội và VPPL về ma túy, kinh tế, môi trường, vệ sinh ATTP...; thu hơn 27.000 viên MTHH, 06 tạ pháo nổ, 3.000 m³ đất, cát, 20 tấn đá, 08 tấn sản phẩm động vật, 25.000 động vật nuôi; hàng hóa gian lận thương mại trị giá khoảng 1,5 đồng...

⁶⁷ Kiểm tra và hướng dẫn 6.108 cơ sở về công tác an toàn PCCC&CNCH, xử phạt vi phạm hành chính 64 trường hợp, với số tiền hơn 2,4 tỷ đồng. Cấp chứng nhận thẩm duyệt thiết kế PCCC cho 164 công trình. Thực tập 242 phương án chữa cháy và CNCH; tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh năm 2025 tại Cảng Hàng không Quốc tế Vinh.

⁶⁸ Như: Mô hình “An toàn trên không gian mạng; vững vàng trong chuyển đổi số”, tổ chức ra mắt mô hình điểm tại Bệnh viện Sản - Nhi Nghệ An; Mô hình “Phối hợp triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn trong tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh”, ra mắt mô hình điểm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Mô hình “03 cùng với thanh thiếu niên” (cùng quan tâm, cùng cảm hóa, cùng vươn lên) với mục tiêu hạn chế tình trạng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật (ra mắt điểm tại xã Hưng Nguyên). Mô hình “Giáo xứ, giáo họ văn minh, kính chúa, yêu nước”, ra mắt mô hình điểm tại giáo xứ Hưng Thịnh, xã Hưng Nguyên.

⁶⁹ Đoàn công tác của 5 tỉnh Lào sang chúc Tết Nguyên đán 2025 (Xiêng Khoảng, Bo Ly Khăm Xay, Hủa Phăn, Sa Vẳn Na Khệt, Xay Sôm Bun); Đoàn cán bộ, lãnh đạo, quản lý của Đảng Cộng sản Cu-ba do đồng chí Deivy PÉREZ Martin, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thứ nhất Tỉnh ủy Sancti Spiritus làm Trưởng đoàn thăm và làm việc tại Nghệ An; Đoàn công tác của Cộng hòa Tatarstan, Liên bang Nga; Đại sứ các nước Nhật Bản, Đức tại Việt Nam; Đoàn công tác Tập đoàn SK (Hàn Quốc); Tập đoàn Xây dựng Thái Bình Dương, Trung Quốc; Đoàn Giám đốc WHO khu vực Tây Thái Bình Dương về trao đổi các vấn đề về chính sách y tế của tỉnh Nghệ An; Đại sứ Pakistan dự Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực Bắc Trung Bộ lần thứ 31 năm 2025.

chức thành công các đoàn công tác của Lãnh đạo tỉnh đi các nước⁷⁰. Các hoạt động hợp tác với các tỉnh của nước CHDCND Lào tiếp tục được triển khai đồng bộ, hiệu quả⁷¹; trình Thường trực Tỉnh ủy thông qua Đề án hợp tác toàn diện giữa tỉnh Nghệ An và các tỉnh của nước CHDCND Lào giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo.

Công tác ngoại giao kinh tế được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả nhằm đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, thương mại, du lịch: tổ chức chương trình Chuyến xe hướng nghiệp Đức nhằm tăng cường quan hệ hợp tác song phương trong lĩnh vực di cư lao động và mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường lao động quốc tế cho người trẻ tại Việt Nam; phối hợp với Bộ Ngoại giao, Hiệp hội doanh nghiệp Hồng Kông tại Việt Nam tổ chức thành công sự kiện Kết nối Nghệ An - Hồng Kông tại thành phố Hồ Chí Minh...

Công tác vận động, quản lý viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả⁷². Công tác quản lý đoàn ra⁷³, đoàn vào⁷⁴, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế⁷⁵, công tác lãnh sự⁷⁶ và di cư quốc tế⁷⁷ tiếp tục được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Công tác quản lý biên giới tiếp tục được triển khai hiệu quả, các hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục được triển khai hiệu quả, từng bước đi vào chiều sâu, thiết thực.

9. Công tác thanh tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

- *Công tác thanh tra*: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2025 theo đúng quy định mới của Luật Thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ⁷⁸; phê duyệt Đề án sắp xếp Thanh tra tỉnh Nghệ An tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, kết thúc hoạt động của Thanh tra các sở, ban, ngành và Thanh tra các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh từ ngày 16/6/2025⁷⁹. Năm 2025, toàn ngành Thanh tra đã triển khai 142 cuộc thanh tra

⁷⁰ Tiêu biểu như chuyến công tác của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tháp tùng Tổng Bí thư thăm cấp Nhà nước Cộng hòa Indonesisa, thăm chính thức Cộng hòa Singapore; Đoàn công tác tại các nước Anh, Đức do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm trưởng đoàn; Đoàn công tác tại Liên bang Nga do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm trưởng đoàn; Đoàn công tác tại Trung Quốc do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng đoàn; Đoàn công tác tham gia Chương trình quảng bá địa phương tại Hàn Quốc và Trung Quốc năm 2025 do Bộ Ngoại giao tổ chức...

⁷¹ Tổ chức thành công Hội đàm giữa Đoàn đại biểu cấp cao tỉnh Nghệ An và Đoàn đại biểu cấp cao Thủ đô Viêng Chăn, ký kết các thỏa thuận giữa tỉnh Nghệ An với Thủ đô Viêng Chăn giai đoạn 2025 - 2028.

⁷² Từ đầu năm 2025 đến nay, có 23 dự án và 06 phi dự án đang được triển khai trên địa bàn tỉnh với tổng số vốn cam kết viện trợ là 2,97 triệu USD.

⁷³ UBND tỉnh ban hành quyết định cử 59 đoàn/231 lượt cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đi công tác nước ngoài.

⁷⁴ UBND tỉnh tổ chức đón tiếp và làm việc với 14 đoàn/160 lượt người nước ngoài; cấp phép đối với 99 đoàn/386 lượt người nước ngoài vào làm việc với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

⁷⁵ Cấp phép tổ chức 08 hội thảo quốc tế, cho ý kiến tổ chức 17 hội nghị, hội thảo quốc tế tổ chức tại Nghệ An.

⁷⁶ Đề nghị Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp thẻ ABTC đối với 15 doanh nhân/14 doanh nghiệp; giải quyết 20 vụ việc liên quan đến công tác lãnh sự.

⁷⁷ Xử lý 123 trường hợp liên quan đến công dân Nghệ An di cư quốc tế tại các nước Trung Quốc, Mianmar, Campuchia, Thái Lan, Lào...

⁷⁸ Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; điều chỉnh tại Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 để phù hợp với bộ máy sau sắp xếp.

⁷⁹ Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh.

hành chính, phát hiện sai phạm 79.920 triệu đồng và 9.583 m² đất; kiến nghị xử lý hành chính 125 tổ chức và 412 cá nhân có sai phạm; đã xử lý khác 32.359 triệu đồng. Thực hiện 47 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; qua thanh tra phát hiện 15 tổ chức và 33 cá nhân có vi phạm. Ban hành 48 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là 584 triệu đồng; đã thu được 465 triệu đồng, đạt tỷ lệ 80%.

- *Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*: Các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn toàn tỉnh đã tiếp 6.330 lượt với 7.014 công dân đến khiếu nại, tố cáo và kiến nghị, phản ánh; tiếp nhận 9.987 đơn thư, trong đó, số đơn đủ điều kiện xử lý là 8.995 đơn (tăng 7,8%). Số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền là 296 vụ việc, giảm 23,3% so với cùng kỳ; đến nay đã giải quyết được 252/296 vụ việc, đạt tỷ lệ 85,1%.

- *Công tác phòng chống tham nhũng* được UBND tỉnh và các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện⁸⁰. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030. Cơ quan điều tra các cấp trong tỉnh đã thụ lý điều tra 21 vụ/123 bị can; Viện kiểm sát hai cấp thụ lý 22 vụ/62 bị can; Tòa án nhân dân các cấp thụ lý 11 vụ/83 bị cáo.

III. Triển khai thực hiện 07 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị

Thực hiện 07 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị và những mục tiêu đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh để triển khai thực hiện.

(1). Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia:

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 328-KH/TU ngày 24/7/2025; Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động số 05-KH/TU về thực hiện Thông báo số 07-TB/TW của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị lần thứ III Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện số 348/KH-UBND ngày 03/9/2025.

Đối với chỉ tiêu đến năm 2025: Tổng số chỉ tiêu được giao là 45 chỉ tiêu. Kết quả thực hiện: có 29/45 chỉ tiêu đạt và vượt, 09/45 chỉ tiêu chưa đạt và 07/45 chỉ tiêu chưa thể đánh giá tại thời điểm báo cáo.

(2). Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới ban hành ngày 24/1/2025:

⁸⁰ Toàn tỉnh đã ban hành 119 văn bản để chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực (trong đó có Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 9/01/2025 của UBND tỉnh về thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025; Công văn số 120/UBND-TD ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nội dung Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2025; Kế hoạch số 53/QĐ-TTr ngày 23/01/2025 của Chánh thanh tra tỉnh về xác minh tài sản, thu nhập năm 2025...)

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 339-KH/TU ngày 20/5/2025 thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 520/KH-UBND ngày 01/7/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

(3). Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới ban hành ngày 30/4/2025: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 357-KH/TU ngày 24/7/2025; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 722/KH-UBND ngày 03/9/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết.

(4). Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 24/7/2025; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 611/KH-UBND ngày 25/7/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết.

(5). Đối với 03 Nghị quyết: số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân: Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh và UBND tỉnh sẽ ban hành các chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện trong tháng 12/2025.

IV. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025

Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh đã quyết nghị 28 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Tuy nhiên, có 03 chỉ tiêu không đánh giá do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp⁸¹. Dự kiến đến cuối năm 2025, có 22/25 chỉ tiêu đạt và vượt; 03 chỉ tiêu không đạt (*Tốc độ tăng trưởng GRDP; GRDP bình quân đầu người; tổng vốn đầu tư toàn xã hội*).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

V. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

1. Lĩnh vực kinh tế

- Còn 03 chỉ tiêu về phát triển kinh tế không đạt mục tiêu đề ra, nhất là mục tiêu tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm (GRDP), GRDP bình quân đầu người. Trong đó, tăng trưởng lĩnh vực nông nghiệp đạt rất thấp trong quý III và Quý V⁸²; một số sản phẩm công nghiệp chủ lực giảm so với cùng kỳ và không đạt sản lượng theo kế hoạch đề ra⁸³.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn⁸⁴ do nhu cầu thị trường thấp, áp lực cạnh tranh và chi phí sản xuất tăng cao. Quy mô các sản phẩm xuất khẩu còn nhỏ lẻ; việc đáp ứng và vận dụng tiêu

⁸¹ Chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ đô thị hoá và tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch.

⁸² Lăn lượt tăng 0,89% và 0,74%

⁸³ Bìa lon, chai các loại giảm 10,7%, đạt 77,8%/KH; dăm gỗ giảm 80%, đạt 43,5%/KH; Phân bón NPK giảm 59%, đạt 80%/KH; Sản xuất sợi giảm 35%, đạt 36,2%/KH, tôn hoa sen,....

⁸⁴ Năm 2025 (tính đến ngày 30/11/2025), có 642 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng 94,5% (+312 doanh nghiệp); 1.590 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 4,12% (+63 doanh nghiệp).

chỉ xuất xứ các mặt hàng có thể mạnh như linh kiện điện tử, hàng dệt may còn gặp khó khăn do chưa chủ động được nguồn nguyên liệu. Các doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh đa phần là doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lực sản xuất kinh doanh còn hạn chế so với yêu cầu hội nhập.

- Cơ cấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chưa thật sự bền vững, thu từ tiền sử dụng đất chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng, tỷ trọng thu ngân sách nhà nước từ hoạt động sản xuất kinh doanh lại có xu hướng giảm⁸⁵.

- Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng giảm so với năm trước, một số chưa đạt kế hoạch đề ra. Việc nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế, quy mô nhỏ, tính bền vững chưa cao. Còn một số bộ phận người dân vẫn vi phạm các quy định về lâm nghiệp và khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU). Việc thực hiện các chỉ tiêu nông thôn mới bị chững lại do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp còn gặp nhiều vướng mắc do các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn còn chồng chéo.

- Tiến độ giải ngân đầu tư công còn chậm và thấp hơn cùng kỳ năm 2024; một số nguồn vốn giải ngân đạt thấp như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (27,46%); vốn kéo dài (39,97%). Công tác chuyển chủ đầu tư, điều chỉnh kế hoạch, bàn giao tiếp nhận hồ sơ dự án gặp nhiều khó khăn do số lượng dự án trên địa bàn rất lớn, nhiều dự án thông tin không đầy đủ.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Vẫn còn tình trạng quá tải ở một số bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác quản lý hành nghề y, dược và bảo đảm an toàn thực phẩm ở một số địa phương vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, một số cơ sở y tế công lập còn gặp khó khăn trong việc triển khai cơ chế tự chủ tài chính.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học ở một số cơ sở giáo dục nhất là tại vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng giáo dục giữa các khu vực còn có sự chênh lệch.

- Tình trạng bạo lực học đường, tai nạn thương tích ở trẻ em (đặc biệt là tai nạn đuối nước và tai nạn giao thông) vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

- Công tác tuyên dụng lao động cho các dự án trong khu kinh tế và các khu công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu nhân lực có kỹ năng, tay nghề cao; còn xảy ra tình trạng đình công tại một số nhà máy⁸⁶.

⁸⁵ Thu tiền sử dụng đất năm 2025 dự kiến chiếm 39% tổng thu (năm 2021 đạt 30%); thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 dự kiến đạt 35% tổng thu (năm 2021 là 37%).

⁸⁶ Cuộc ngừng việc tập thể tại Công ty TNHH Bao bì Zonsen Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ngày 21/3/2025 và Công ty TNHH giấy Andromeda Việt Nam ngày 29/3/2025 liên quan đến việc tăng lương cơ bản, tiền phụ cấp, thời giờ làm việc... của người lao động

3. Công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số

- Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập cần tiếp tục tập trung tháo gỡ (*chất lượng đội ngũ công chức trực tiếp tham mưu ở cấp xã chưa đồng đều; cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu; một số lĩnh vực như: tài nguyên, nông nghiệp, môi trường, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, tài chính ngân sách, chuyển đổi số,...* còn nhiều bất cập; khối lượng công việc ở cấp xã sau sắp xếp tăng cao (có 1.065 nhiệm vụ của cấp huyện (cũ) được chuyển về cấp xã), nhiều nội dung mới, liên quan tới phân cấp, phân quyền cũng là áp lực lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện...).

- Việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin giữa các Bộ, ngành Trung ương với địa phương chưa đồng bộ, hiệu quả khai thác chưa cao. Nhiều trường hợp công chức, viên chức phải thực hiện TTHC trên cả 2 hệ thống (hệ thống chuyên ngành và hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh) nên ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc. Việc cập nhật, niêm yết công khai danh mục, nội dung của TTHC tại một số địa phương còn chưa đầy đủ, kịp thời.

- Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chuyển đổi số mặc dù đã có sự chuyển biến tích cực nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại một số xã miền núi còn gặp nhiều khó khăn. Kết quả xếp hạng chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải cách hành chính (PAR INDEX), quản trị hành chính công (PAPI), đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) chưa được cải thiện hoặc giảm thứ hạng so với năm trước⁸⁷.

- Công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đã được các địa phương quyết liệt triển khai, nhưng nhìn chung còn gặp nhiều khó khăn⁸⁸; một số vướng mắc còn kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm, là điểm nghẽn làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số dự án.

- Công tác quản lý đô thị vẫn còn nhiều bất cập: Một số khu vực trong đô thị vẫn còn tình trạng ngập úng khi mưa lớn; ùn tắc giao thông cục bộ tại các khung giờ cao điểm; một số vị trí trên các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh, đường giao thông nông thôn bị hư hỏng, xuống cấp chưa được khắc phục, sửa chữa kịp thời...

5. Lĩnh vực nội chính và trật tự an toàn xã hội

- Tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, thực phẩm không rõ nguồn gốc... còn diễn biến phức tạp, nhất là trên môi trường thương mại điện tử.

⁸⁷ Chỉ số PCI vẫn xếp thứ hạng 44 bằng với năm 2023; Chỉ số PAR INDEX xếp thứ 27, giảm 12 bậc so với năm 2023; chỉ số PAPI xếp thứ 37, giảm 12 bậc so với năm 2023; Chỉ số PII đứng thứ 37, giảm 3 bậc so với năm 2023.

⁸⁸ Như Cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến đường tỉnh 537B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, Nâng cấp, mở rộng đường Bình Minh thị xã Cửa Lò, Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối Quốc lộ 46 với Đại lộ Vinh - Cửa Lò...

- Tội phạm sử dụng công nghệ cao lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đánh bạc; tội phạm liên quan đến “tín dụng đen” còn tiềm ẩn; tội phạm về ma túy ngày càng tinh vi, manh động, liên tục thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội.

- Vụ việc bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A chưa được giải quyết dứt điểm.

VI. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, vượt dự báo, nhất là việc Hoa Kỳ công bố công bố chính sách thuế quan đối ứng mới làm gia tăng rủi ro, tác động đến thương mại, đầu tư và tăng trưởng toàn cầu.

- Năm 2025 với khối lượng công việc rất lớn, nhiều việc khó, việc mới, nhiều nhiệm vụ trọng tâm được triển khai đồng thời, nhất là công tác sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp với yêu cầu tiến độ khẩn trương đã tạo áp lực lớn lên công tác chỉ đạo điều hành.

- Thiên tai, thời tiết diễn biến cực đoan và tác động trên phạm vi rộng (chỉ riêng trong quý III, ba cơn bão lớn số 3, 5, 10 kèm theo lũ quét, mưa lũ trên diện rộng đã liên tiếp đổ bộ, gây thiệt hại nặng nề về cơ sở hạ tầng, nhà cửa, hoa màu... trên địa bàn). Mặc dù công tác khắc phục hậu quả sau bão, lũ đã được các cấp, các ngành triển khai một cách khẩn trương, song quá trình tái thiết đời sống và phục hồi sản xuất của người dân vẫn gặp không ít khó khăn.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương có lúc có nơi còn chưa chặt chẽ, hiệu quả; thiếu sự quyết liệt và chủ động, kịp thời; tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm, sợ sai trong một số trường hợp và trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa được khắc phục hiệu quả, gây chậm trễ trong giải quyết công việc.

- Một số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, chưa tích cực, quyết liệt trong giải quyết công việc; trách nhiệm của người đứng đầu, người có thẩm quyền trong một số trường hợp chưa được quyết liệt, phát huy đầy đủ.

- Công tác giải phóng mặt bằng vẫn là điểm nghẽn làm ảnh hưởng đến tiến độ các dự án; ngoài những nguyên nhân khách quan do thể chế còn có nguyên nhân chủ quan từ sự thiếu chủ động của các chủ đầu tư, thiếu quyết liệt của UBND các địa phương dẫn đến tình trạng vướng mắc mặt bằng kéo dài...

Đánh giá chung: Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 được thực hiện trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, khối lượng công việc đặt ra rất lớn, nhiều việc mới, việc khó; đặc biệt là chịu thiệt hại nặng nề từ thiên tai, bão lũ. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đã tập trung thực hiện quyết liệt, hoàn thành công tác

rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm tiến độ, yêu cầu, chỉ đạo của Trung ương; tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp, đặc biệt là Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025–2030. Dự kiến đạt và vượt 22/25 chỉ tiêu chủ yếu; kinh tế duy trì được đà tăng trưởng khá, thu ngân sách đạt kết quả nổi bật; thu hút đầu tư tiếp tục là điểm sáng tích cực; kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhiều công trình, dự án trọng điểm đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số được tăng cường. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được triển khai đồng bộ; quốc phòng, an ninh được bảo đảm, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác đối ngoại tiếp tục được triển khai hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế cần tiếp tục tập trung khắc phục như: tăng trưởng kinh tế chưa đạt kịch bản đề ra; hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm; công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính trên một số lĩnh vực, địa bàn còn bất cập; việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

*Phần thứ hai***KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026****I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, là năm đánh dấu thời điểm cả nước chính thức bước vào giai đoạn tăng trưởng kinh tế phấn đấu đạt từ 10%/năm trở lên, yêu cầu đặt ra đối với các địa phương, trong đó có tỉnh Nghệ An cũng cao hơn.

Bối cảnh thế giới và khu vực dự báo còn nhiều biến động, nhất là cạnh tranh thương mại, địa chính trị giữa các nước lớn, chính sách thương mại của Hoa Kỳ... Ở trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên; cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cùng với những quyết sách chiến lược về đổi mới, xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế ngày càng sâu đang tạo ra cơ hội mới cho phát triển đất nước.

Đối với tỉnh Nghệ An, các yếu tố nền tảng cho tăng trưởng giai đoạn mới của tỉnh đã được tạo lập qua nhiều nhiệm kỳ, nhất là trong giai đoạn 2021-2025, nhất là về cơ sở hạ tầng với nhiều dự án trọng điểm đã, đang và sẽ được triển khai; các dự án FDI đã thu hút đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả, tạo ra năng lực sản xuất mới. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn lớn, nhất là những khó khăn nội tại của nền kinh tế, bên cạnh đó tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến cực đoan, ngày càng khó lường, mục tiêu tăng trưởng cao, hướng tới trở thành cực tăng trưởng tầm quốc gia trong giai đoạn 2026-2030 là mục tiêu đầy thách thức, đòi hỏi sự đoàn kết, quyết tâm cao, hành động quyết liệt, hiệu quả của các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**1. Mục tiêu tổng quát**

Triển khai đồng bộ, toàn diện việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, tạo nền tảng và đà tăng trưởng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu giai đoạn 2026-2030. Hoàn thành rà soát, điều chỉnh các loại quy hoạch phù hợp yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả 3 đột phá chiến lược và 07 nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; tháo gỡ các vướng mắc, khơi thông các nguồn lực cho đầu tư và phát triển; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm tiến độ các công trình, dự án trọng điểm. Phát triển đồng

bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số. Khắc phục triệt để các vướng mắc, khó khăn, bảo đảm chính quyền địa phương 02 cấp vận hành thông suốt, hiệu quả. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hợp tác liên kết vùng. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2026

a) Chỉ tiêu kinh tế

- (1) Tốc độ tăng trưởng giá trị tổng sản phẩm (GRDP): 10,5-11,5%
- (2) Cơ cấu GRDP: Nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 19-20%; Công nghiệp và xây dựng khoảng 32-33%; Dịch vụ khoảng 42-43%; Thuế trợ cấp trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 4-5%
- (3) GRDP bình quân đầu người: 77-78 triệu đồng
- (4) Tỷ trọng tăng thêm của kinh tế số trong GRDP: 13-14%
- (5) Thu ngân sách nhà nước: 23.340 tỷ đồng
- (6) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 145.000 tỷ đồng
- (7) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP: 53%
- (8) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế: 43%
- (9) Tổng kim ngạch xuất khẩu: 5.000 triệu USD
- (10) Số doanh nghiệp hoạt động: 21.000 doanh nghiệp

b) Chỉ tiêu xã hội

- (11) Dân số trung bình: 3.526 nghìn người
- (12) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh: 74,3 tuổi
- (13) Chỉ số phát triển con người (HDI): 0,731
- (14) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế: 1.618 nghìn người
- (15) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế: >97%
- (16) Tỷ lệ lao động qua đã qua đào tạo: 72,6%,
Trong đó, có bằng, chứng chỉ: 31%
- (17) Tỷ lệ thất nghiệp: <2,5%
- (18) Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh): 10,4%
- (19) Số bác sỹ trên vạn dân: 13,8 bác sỹ
- (20) Số giường bệnh trên vạn dân: 44,53 giường

(21) Bảo hiểm xã hội:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 95,5%

- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH: 30%

(22) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: 82,88%

(23) Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều: 0,5-1,5%

(24) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng: 5,55 triệu đồng/người/tháng

(25) Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn: 54,5%.

(26) Xây dựng nông thôn mới:

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 12%

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại: 1%

(27) Xây dựng nhà ở xã hội: 2.030 căn

c) Chỉ tiêu môi trường

(28) Tỷ lệ che phủ rừng: 58%

(29) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý: 97,6%

(30) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý: 100%

(31) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn: 91%

(32) Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%

d) Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh

(33) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: >80%

(34) Tỷ lệ đơn vị cấp xã sạch về ma túy: 20% trở lên

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục đổi mới, quyết liệt, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 gắn với các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị.

Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cấp xã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong cấp uỷ, chính quyền, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành. Bám sát chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo, ứng phó hiệu quả với các vấn đề phát sinh, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Phát huy tinh thần chủ động, gắn với trách nhiệm người đứng đầu để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ với quyết tâm cao hơn, nỗ lực lớn hơn, hành động

quyết liệt và hiệu quả hơn. Chỉ đạo tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Tập trung xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chương trình hành động, đề án, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và các nghị quyết của Trung ương nhiệm kỳ 2025-2030, trọng tâm là 07 Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương; đánh giá các nghị quyết về cơ chế, chính sách đã được HĐND tỉnh ban hành để đề nghị bãi bỏ các chính sách không thực hiện được hoặc thực hiện không hiệu quả, tập trung nguồn lực cho các cơ chế, chính sách kiến tạo, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển và tháo gỡ các nút thắt, rào cản đối với sự phát triển của tỉnh trên tất cả các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn 2026-2030. Rà soát, kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành bổ sung, sửa đổi các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An để phù hợp với các quy định, hướng dẫn mới của Trung ương khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh

Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới, trong nước để chủ động có phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp, hiệu quả với các vấn đề phát sinh. Thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh...). Trong đó:

2.1. Phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 699/KH-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 13/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tập trung phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông

thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản hàng hóa tích hợp đa giá trị, dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp theo nhóm cây trồng, vật nuôi chủ lực, hình thành các vùng chuyên canh tập trung, quy mô lớn, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, công nghệ số vào sản xuất và quản lý nông nghiệp để nâng cao năng suất và chất lượng, giá trị gia tăng. Xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó, tập trung đổi mới với một số cây trồng, vật nuôi, sản phẩm chủ lực, tạo đột phá về năng suất, chất lượng như các loại giống: lúa, ngô, cam, dưa, mía, bò sữa, các loại thủy, hải sản. Đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc nông sản; kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào (giống, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi); quản lý dịch bệnh từ cơ sở; đẩy mạnh chương trình OCOP và thương hiệu nông sản Nghệ An, phát triển sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ. Phát triển hợp tác xã kiểu mới giúp nông dân tiếp cận công nghệ, vốn, thị trường, tham gia chuỗi giá trị và áp dụng tiêu chuẩn an toàn, tập trung vào những sản phẩm chủ lực địa phương và chương trình sản phẩm OCOP; xây dựng và phát triển các sản phẩm OCOP có tính bền vững, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Phát triển kinh tế hộ gia đình chuyên nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, giảm phát thải, theo chuỗi giá trị, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh giá trị kinh tế cao. Thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; thu hút doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp – nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp thuộc ngành. Xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại theo tiêu chí mới. Rà soát nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới để có phương án xử lý, bố trí thanh toán nợ.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng, tự nhiên; phát triển rừng gỗ lớn, tạo vùng nguyên liệu ổn định phục vụ công nghiệp chế biến. Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư hạ tầng, phát huy hiệu quả khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết nối với vùng nguyên liệu trong khu vực, đưa Nghệ An sớm trở thành trung tâm chế biến và xuất khẩu gỗ Bắc Trung Bộ. Đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ, phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh các đối tượng giá trị cao.

2.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nhanh và bền vững ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2021-2030; Chương trình hành động thực hiện số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đẩy mạnh phát triển các ngành sản

xuất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, có giá trị gia tăng cao, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường...; thu hút đầu tư các dự án công nghiệp trọng điểm, nhất là dự án quy mô lớn tạo sự lan tỏa. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đã được chấp thuận đầu tư hoàn thành thủ tục đầu tư, xây dựng sớm đi vào hoạt động để bổ sung năng lực sản xuất mới tăng thêm cho ngành công nghiệp; lồng ghép các chính sách phát triển công nghiệp nông thôn để hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Nam Cẩm, VSIP, WHA, Hoàng Mai I, Hoàng Mai II; tăng cường thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tại các xã, phường theo quy hoạch để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp; đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp trong các khu công nghiệp⁸⁹, thúc đẩy xúc tiến đầu tư, ưu tiên FDI vào công nghiệp chế biến, chế tạo (ô tô, cơ khí, giày da, may mặc, điện tử – CNTT), công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, chế biến nông – lâm – thủy sản; các dự án công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường. Quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, khởi công các dự án trọng điểm như: Cảng nước sâu Cửa Lò, LNG Quỳnh Lập, các khu công nghiệp: Thọ Lộc B, VSIP 3, WHA 2. Phần đầu chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2026 đạt 17,5%.

Theo dõi diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất; tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp mạnh thực hiện các dự án xây dựng quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp trên địa bàn tỉnh.

2.3. Phát triển dịch vụ

Tích cực khai thác, mở rộng thị trường, tăng cường xúc tiến thương mại và khuyến khích tiêu dùng nội địa, đặc biệt là đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phát triển thương mại nông thôn, biên giới, miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, khai thác có hiệu quả xu hướng số hóa với sự phát triển của phương thức thanh toán điện tử và các công cụ thanh toán mới. Tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xử lý nghiêm các vi phạm và bảo

⁸⁹ KCN Nam Cẩm: Khu chế biến lâm sản Nam Cẩm của Công ty cổ phần chế biến và xuất nhập khẩu lâm sản Nghệ An; Nhà máy sản xuất khí công nghiệp của Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại kỹ thuật khí công nghiệp Việt An Phát. KCN WHA: Dự án may mặc Nakano Việt Nam của Công ty TNHH Nakano Apparel; Nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu của Công ty TNHH Giày Cypress Việt Nam; Nhà máy công ty TNHH Công nghiệp Vietwin Nghệ An; Dự án khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường Zhong Cheng Việt Nam; Dự án vật liệu điện tử JunHao Việt Nam; Dự án Prussia gia công cơ khí của Hong Kong Thai Ray Investment Limited, Zengreat Industrial Limited. KCN VSIP: Nhà máy sản xuất hàng may mặc xuất khẩu Công ty TNHH Mareep; Nhà máy sản xuất mỹ nghệ công nghiệp Gift Story của Công ty TNHH Công nghiệp Gift Story; Nhà máy bao bì HongShin của Công ty TNHH kỹ thuật bao bì Hongshin (Việt Nam); Dự án Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam...

vệ quyền lợi người tiêu dùng; thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, nhất là trong các dịp cao điểm Lễ, Tết.

Hỗ trợ các doanh nghiệp phát huy lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng. Theo dõi, cập nhật thường xuyên những biến động thị trường và chính sách thương mại tại các nước để kịp thời thông tin đến các doanh nghiệp nhằm chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh; xúc tiến xuất khẩu theo các nhóm mặt hàng ưu tiên, phù hợp diễn biến tình hình kinh tế thế giới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại theo hướng đa dạng các loại hình, kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại hiện đại; phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hạ tầng thương mại.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển du lịch Nghệ An đến 2030, tầm nhìn 2035; phát triển du lịch bền vững, chuyên nghiệp, chất lượng và hiệu quả. Tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm thu hút khách du lịch⁹⁰; Tổ chức, tham gia các hội chợ, hội thảo, ngày hội du lịch, sự kiện trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị trường và quảng bá điểm đến Nghệ An. Triển khai kế hoạch khảo sát, điều tra tài nguyên du lịch. Nghiên cứu xây dựng đề án thí điểm các mô hình du lịch đặc thù của tỉnh. Khảo sát, phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn, sinh thái và cộng đồng; kết nối tour tuyến trong tỉnh. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Tạo điều kiện thuận lợi phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, triển khai thực hiện hiệu quả đề án phát triển tỉnh Nghệ An trở thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ công nghệ thông tin, bảo hiểm, tư vấn, tài chính - ngân hàng. Thúc đẩy ngân hàng số, thanh toán số; nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo vệ quyền lợi khách hàng, gia tăng lòng tin đối với thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường quản lý hiệu quả thu, chi ngân sách

Triển khai quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và các chương trình mục tiêu quốc gia theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện và cam kết giải ngân chi tiết theo từng tháng, phân công lãnh đạo theo dõi tiến độ từng dự án; duy trì hoạt động Tổ công tác cấp tỉnh để kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đặc biệt về thủ tục đầu tư, xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; trong

⁹⁰ Festival du lịch Cửa Lò, Lễ hội Làng Sen năm 2026, Liên hoan văn hóa âm thực du lịch, đón đoàn du khách đầu tiên trên chuyến bay đầu năm mới 2026...

đó rà soát kỹ, xác định rõ nhu cầu đầu tư thật sự cần thiết, sắp xếp thứ tự ưu tiên và lựa chọn các dự án có trọng tâm, trọng điểm.

Chủ động, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; thực hiện đấu thầu công khai, minh bạch; lựa chọn đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công có năng lực, kinh nghiệm bảo đảm chất lượng và tiến độ thực hiện. Tăng cường theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương; khắc phục tồn tại theo kết luận thanh tra, kiểm toán và kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn. Tiếp tục rà soát, xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng, thi công chậm, kéo dài gây lãng phí.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách. Tăng cường các giải pháp thu ngân sách bảo đảm bao quát nguồn thu, thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước; đồng hành, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo đà phát triển kinh tế, nuôi dưỡng nguồn thu; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ hộ kinh doanh kê khai thuế theo phương pháp mới. Tập trung điều hành chi ngân sách chủ động, triệt để tiết kiệm; phân đầu giảm tỷ trọng chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển, chi cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, giáo dục; đồng thời bảo đảm nguồn lực cho an sinh xã hội, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... Kiểm soát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng tài sản công; đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp, xử lý trụ sở làm việc và tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

4. Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển hệ thống đô thị

Tập trung rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu thực tiễn phát triển trong bối cảnh mới. Hoàn thành lập, phê duyệt các quy hoạch xây dựng xã, phường theo quy định mới; bổ sung quy hoạch phát triển đô thị; quy hoạch xây dựng các khu chức năng theo định hướng quy hoạch tỉnh được duyệt; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý quy hoạch xây dựng quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Tập trung huy động, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, đặc biệt xã hội hóa, hợp tác công - tư. Tập trung triển khai bảo đảm tiến độ các công trình trọng điểm: Đường bộ cao tốc Vinh - Thanh Thủy; các khu tái định cư phục vụ tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư trong năm 2026. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đối với dự án: Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Nhón Mai và Mai Sơn (Tương Dương); tuyến đường tránh thị trấn Nam Đàn; Sửa chữa nền, mặt đường, bổ sung hệ thống thoát nước và an toàn giao thông trên tuyến Đường tỉnh 534 đoạn từ Km3+900 - Km10+400; Cải tạo, nâng cấp ĐT.532 đoạn Km0 -

Km28; Xây dựng công trình cầu Hói Quai, Đường tỉnh 534; Xây dựng đường gom, hàng rào ngăn cách để xóa bỏ 07 lối đi tự mở và cắm mốc chỉ giới hành lang ATGT dọc tuyến đường sắt Bắc - Nam trên địa bàn tỉnh; tuyến đường kết nối giữa đường giao thông nối Quốc lộ 7C (Đô Lương) đi đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ) với Quốc lộ 48E; hạng mục Cây xanh thuộc dự án Đường giao thông nối Vinh – Cửa Lò (giai đoạn 2). Tích cực phối hợp để triển khai các dự án của Trung ương và nhà đầu tư trên địa bàn: Cảng hàng không Quốc tế Vinh; nâng cấp mở rộng QL7 đoạn Diễn Châu - Đô Lương; nâng cấp, mở rộng QL46 đoạn Vinh - Nam Đàn; nâng cấp, cải tạo công trình thiết yếu tuyến đường sắt Vinh - Hà Nội...

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Nghệ An đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 31/7/2025. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển nhà ở xã hội; đồng thời tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu xây dựng 2.030 căn trong năm 2026 (theo Quyết định số 444/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

5. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển kinh tế tư nhân, chuyển hộ kinh doanh thành doanh nghiệp

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh; thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện và nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, Par Index, PAPI, SIPAS, PII, nhất là đối với các chỉ số thành phần còn thấp, chậm cải thiện. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, khắc phục hạn chế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp theo Công điện số 63/CĐ-TTg ngày 12/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập trung rà soát, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã và đang triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Triển khai hiệu quả Đề án mở rộng Khu kinh tế Đông Nam. Xây dựng trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn; chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển vận chuyển container quốc tế và nội địa; hỗ trợ doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển bằng container đi, đến cảng Cửa Lò (thay thế Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023)⁹¹. Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư dự án KCN Thọ Lộc B (180 ha); giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng các KCN WHA Industrial Zone 2 (183,37 ha), KCN Hoàng Mai II (334,79 ha)... tạo quỹ đất sạch và hạ tầng đồng bộ, hiện đại để đưa vào khai thác trong năm 2026.

⁹¹ Theo quy định của Luật NSNN năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026), HĐND các cấp quyết định các chế độ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, hiện đang chờ hướng dẫn của Chính phủ về nội dung này.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả phát triển kinh tế tư nhân theo kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị⁹²; bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tài sản, quyền cạnh tranh bình đẳng; tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân; đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân; tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh một cách thực chất và hiệu quả; bỏ thuế khoán để thực hiện kê khai, nộp thuế với hộ kinh doanh.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 614/KH-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư theo tiến độ đã đăng ký; định kỳ đánh giá đầu tư theo quy định; giám sát việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra; kiên quyết không để tình trạng dự án chậm tiến độ kéo dài, không phát huy hiệu quả, gây lãng phí.

6. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ

Tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là ở vùng khó khăn; phát triển năng lực ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Thực hiện đầy đủ các chính sách mới của Trung ương như miễn học phí, hỗ trợ bữa ăn trưa, cấp miễn phí sách giáo khoa, tín dụng ưu đãi cho người học; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nhân rộng các mô hình giáo dục tiên tiến; xây dựng trường nội trú liên cấp TH&THCS; tổ chức dạy học tiếng Lào tại các xã biên giới. Đổi mới tổ chức các kỳ thi, đánh giá theo chuẩn đầu ra. Quan tâm quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường lớp sau khi sắp xếp bộ máy hành chính phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và thực tế địa phương. Năm 2026, phấn đấu công nhận mới và công nhận lại trên 80 trường đạt chuẩn quốc gia; nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 1.186 trường (82,88%). Tăng cường quản lý chất lượng giáo dục thường xuyên và các chương trình liên kết đào tạo. Thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, khu công nghiệp để đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học đổi mới mô hình phát triển phù hợp, tăng cường khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; phát huy vai trò trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực Bắc Trung Bộ.

⁹² Kế hoạch số 358-KH/TU ngày 24/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 611/KH-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh.

Tiếp tục tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành một trong những đột phá chiến lược, động lực nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Ưu tiên hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để tạo ra các sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh. Đổi mới phương thức lựa chọn nhiệm vụ khoa học - công nghệ theo hướng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, gắn với phát triển theo chuỗi giá trị và nhóm sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh. Thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ; lựa chọn sản phẩm tiêu biểu để đầu tư bảo hộ, xây dựng và quảng bá thương hiệu Nghệ An; nghiên cứu hình thành một số sản phẩm chủ lực đạt thương hiệu quốc gia. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

7. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, thể thao, y tế, lao động việc làm và bảo đảm an sinh xã hội

Tuyên truyền, tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh⁹³. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng con người và gia đình văn hóa Nghệ An trong bối cảnh hội nhập. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Tập trung phát triển công nghiệp văn hóa gắn với khai thác giá trị kinh tế di sản; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong toàn ngành, nhất là số hóa và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung.

Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, phong trào rèn luyện thân thể trong nhân dân; duy trì các hoạt động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, Ngày chạy Olympic “Vì sức khỏe toàn dân”. Ưu tiên đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn, có thế mạnh của tỉnh. Phấn đấu đạt thứ hạng cao tại Đại hội Thể thao toàn quốc năm 2026, các giải thi đấu quốc gia và khu vực; đến cuối năm 2026, tỷ lệ gia đình thể thao đạt 26,5%; tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 37,6%. Tập trung đầu tư, thu hút đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao.

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về y tế, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phòng bệnh tại các tuyến; chủ động giám sát, phát hiện sớm và ứng phó kịp thời với dịch bệnh truyền nhiễm; xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp với đầy đủ nhân lực, trang thiết bị và vật tư y tế. Đẩy mạnh các chương trình tiêm chủng mở rộng và triển khai Đề án “Phát triển Trung tâm y tế chuyên sâu khu vực Bắc Trung Bộ giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn 2045”.

Tăng cường phối hợp với các ngành, địa phương trong công tác đảm bảo an

⁹³ Mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ năm 2026; 96 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 51 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; 136 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 81 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và 81 năm Ngày Quốc khánh 2/9,...

toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, truy xuất nguồn gốc; tăng cường công tác kiểm tra liên ngành các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm. Thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề y, dược; giấy phép hoạt động các cơ sở khám, chữa bệnh; chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; chứng nhận GDP và GPP. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động y dược tư nhân nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn cho người dân.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TU về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác kết nối cung - cầu lao động, giải quyết việc làm và thu hút lao động cho doanh nghiệp trong nước và FDI giai đoạn 2025-2030. Thực hiện hiệu quả kết nối cung - cầu lao động trong và ngoài tỉnh, đồng thời với thị trường lao động quốc tế; triển khai thu thập, lưu trữ và tổng hợp thông tin người lao động gắn với cơ sở dữ liệu dân cư. Phát triển nhanh, bền vững diện bao phủ người tham gia BHXH, BHYT, hướng tới mục tiêu BHXH, BHYT toàn dân. Xây dựng, phát triển ngành BHXH theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ đối với người dân và doanh nghiệp trên cơ sở công khai, minh bạch và an toàn.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai hiệu quả các chính sách, đề án và chương trình về bảo trợ xã hội, giảm nghèo bền vững, công tác trẻ em và bình đẳng giới. Tăng cường giáo dục, trang bị kiến thức và kỹ năng bảo vệ trẻ em; giải quyết tình trạng tai nạn, đuối nước, bạo lực với trẻ em và bạo lực học đường. Thực hiện nghiêm túc công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy. Tiếp tục vận động, huy động nguồn lực hỗ trợ các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn ở khu vực miền Tây.

8. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; chủ động ứng phó có hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu

Tập trung quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, đặc biệt là đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; rà soát, xử lý dự án chậm triển khai, tình trạng lãng phí, sử dụng đất sai mục đích và vi phạm pháp luật; đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; triển khai bồi thường, giải phóng mặt bằng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai. Rà soát, đánh giá tác động việc áp dụng bảng giá đất mới; tuyên truyền, phổ biến quy định tới doanh nghiệp và người dân để đảm bảo hiểu đúng, đầy đủ.

Tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong khai thác khoáng sản, đặc biệt khai thác cát, sỏi lòng sông, đảm bảo không ảnh hưởng đến dòng chảy tự nhiên và hệ sinh thái; triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm và tăng giá nguyên vật liệu xây dựng. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, triển khai di dời các cơ sở có nguy cơ cao ra khỏi khu dân cư.

Nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả và hiệu lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Theo dõi chặt chẽ diễn biến lũ, bão, công trình và kịp thời xử lý các sự cố xảy ra đảm bảo an toàn hệ thống đê điều; chỉ đạo kịp thời khắc phục hậu

Tiếp tục tập trung chỉ đạo khắc phục, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp. Duy trì hoạt động các Tổ công tác cấp tỉnh để kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã, phường tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp; xử lý kịp thời những nội dung chưa thống nhất, còn chồng chéo, mâu thuẫn trong phân cấp, phân quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã.

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp xã; phát huy vai trò các tổ công tác chuyên môn của sở, ngành thông qua hình thức “cầm tay chỉ việc” kết hợp đào tạo, tập huấn trực tuyến. Rà soát phương án bố trí, sắp xếp cán bộ; điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức từ cấp tỉnh về cấp xã và giữa các xã bảo đảm hợp lý, hiệu quả.

Tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính để có giải pháp, phương án thống nhất trong việc bố trí trụ sở làm việc, đồng thời có giải pháp quản lý, sử dụng trụ sở dôi dư tránh tình trạng lãng phí; tiếp tục tăng cường theo dõi, kiểm tra giám sát, hướng dẫn hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã để kịp thời xử lý tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, bất cập, các vấn đề mới phát sinh; đảm bảo hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cho việc vận hành bộ máy hành chính 02 cấp thông suốt hiệu quả; kịp thời thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với những người bị tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy; quan tâm phân bổ ngân sách phù hợp, nghiên cứu việc khoán xe công tạo điều kiện cho chính quyền cấp xã đi vào hoạt động ổn định.

11. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; thực hiện hiệu quả các hoạt động đối ngoại; tăng cường công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai hiệu quả chủ trương, chiến lược, đề án và hệ thống pháp luật về quân sự, quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội⁹⁴. Tăng cường phối hợp, quản lý, nắm chắc tình hình, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh ở cơ sở, đặc biệt trong thời gian diễn ra Đại hội XIV của Đảng và bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026–2031. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng cơ động phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng, nâng cấp các công trình chiến đấu; tuyển dụng công chức quân sự Ban CHQS cấp xã đảm bảo đủ biên chế; hỗ trợ lực lượng vũ trang các tỉnh giáp biên với Lào theo lộ trình. Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự tỉnh, diễn tập phòng thủ khu vực 2 - Quỳnh Lưu; chỉ đạo 25-30% xã,

⁹⁴ Tiếp tục thực hiện Đề án 2036, Đề án 57 và các tiểu dự án trong chương trình mục tiêu quốc gia khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt: công tác dân vận gắn với phong trào “LLVT tình chung sức xây dựng nông thôn mới” và các mô hình dân vận khéo như: “Đoàn kết quân dân, âm tình xứ Đạo”, “Đoàn kết yêu thương giữa lương và giáo”, “Giúp dân no đủ, tự chủ bản làng”; chương trình “Tôi yêu Tổ quốc tôi - tặng cờ cho ngư dân đi biển”...

phường diễn tập chiến đấu trong KVPT có nội dung về phòng thủ dân sự và diễn tập huy động nhân lực, phương tiện tàu thuyền dân sự theo Nghị định số 04/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Tuyển chọn, giao quân năm 2026 đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổ chức tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ tại Lào mùa khô 2025-2026; giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng theo đúng quy định.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các nội dung trọng tâm của Chương trình hoạt động đối ngoại năm 2026, trong đó: thực hiện các văn bản thỏa thuận đã ký với đối tác nước ngoài; triển khai Đề án hợp tác toàn diện giữa Nghệ An và các tỉnh CHDCND Lào giai đoạn 2025–2030; tổ chức hội đàm cấp cao với các tỉnh Xiêng Khoảng, Hủa Phăn, Khăm Muộn. Chủ động tổ chức hoạt động thu hút đầu tư, trao đổi hợp tác, thúc đẩy quan hệ song phương với các đối tác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan; đẩy mạnh xúc tiến thương mại và hợp tác quốc tế về Halal⁹⁵, tập trung các đối tác như Malaysia, Indonesia, Trung Đông. Tăng cường thông tin đối ngoại, kết hợp ngoại giao văn hóa để quảng bá tiềm năng, thế mạnh và cơ hội hợp tác, đầu tư của tỉnh. Phối hợp với các tỉnh giáp biên giới của CHDCND Lào trong giữ vững an ninh biên giới, xây dựng biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác phát triển. Thực hiện nghiêm quản lý nhà nước về đoàn ra, đoàn vào, hội nghị quốc tế, ký kết thỏa thuận quốc tế và công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra năm 2026 tập trung trọng tâm, trọng điểm; tăng cường công khai, minh bạch, nâng cao kỷ luật, kỷ cương và đạo đức công vụ trong hoạt động thanh tra. Đẩy mạnh giám sát, xử lý sau thanh tra, đặc biệt các kết luận thanh tra, kiểm toán. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh từ cơ sở, không để bức xúc, bất bình trong nhân dân; kiểm tra, rà soát và giải quyết dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp. Tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và lợi ích nhóm.

12. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng và khuyến khích đổi mới sáng tạo; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, toàn diện về các hoạt động chính trị – xã hội và phát triển kinh tế – xã hội để định hướng, ổn định dư luận, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm tra báo chí, hoạt động của các nền tảng mạng xã hội, đấu tranh, phản bác và xử lý nghiêm thông tin sai lệch, xuyên tạc. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội, đoàn thể, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu thực hiện thành công các mục tiêu phát triển

⁹⁵ Tiêu chuẩn trong sản xuất, thương mại và dịch vụ tuân thủ luật Hồi giáo (Shariah).

KTXH năm 2026, tạo nền tảng để góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển giai đoạn 2026–2030.

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

Phụ lục 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 104/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2024 CỦA HĐND TỈNH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2025 HĐND tỉnh giao	Ước thực hiện cả năm 2025	Đánh giá khả năng hoàn thành
I	Chỉ tiêu kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP)	%	9,5-10,5	8.44	Không đạt
2	Cơ cấu kinh tế			- NLTS: 20,9%; - CN-XD: 30,9%; - DV: 43,7%; - Thuế trừ TCSP: 4,5%	Cơ bản phù hợp
3	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	17,726	26,560	Đạt
4	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	4,000	4,400	Đạt
5	Tổng nguồn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	130,000	115,592	Không đạt
6	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	71-72	67.52	Không đạt
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	36	Đề nghị không đánh giá do chưa có hướng dẫn về phân loại đô thị theo mô hình CQĐP 02 cấp	
II	Chỉ tiêu xã hội				
1	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0.2	0.2	Đạt
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1-1,5	1.0	Đạt
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	12.6	≤ 11,9	Vượt
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	80.5	80.5	Đạt
5	Tạo việc làm mới	Ngàn người	46	49	Vượt
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	71.5	71.5	Đạt
7	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	%	88.47	92.4	Vượt
8	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	13.2	13.2	Đạt
9	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ	%	> 90	93	Vượt
10	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	42.75	42.75	Đạt
11	Tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa	%	73	73	Đạt
12	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn	%	82	82	Đạt
13	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95	95	Đạt
14	Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	26.5	27	Vượt
15	Xây dựng nông thôn mới trong năm				Đề nghị không đánh giá do chưa hướng dẫn của Trung ương
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	3		
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	19		
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	8		
III	Chỉ tiêu môi trường				
1	Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	90.0	90.5	Vượt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2025 HDND tỉnh giao	Ước thực hiện cả năm 2025	Đánh giá khả năng hoàn thành
2	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch			Đề nghị không đánh giá do chưa có hướng dẫn về phân loại đô thị theo mô hình CQĐP 02 cấp	
-	<i>Đối với đô thị loại 4 trở lên</i>	%	93		
-	<i>Đối với đô thị loại 5</i>	%	91		
3	Tỷ lệ che phủ rừng ổn định	%	58	59.01	Đạt
4	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị	%	97.3	97.3	Đạt
	<i>Tỷ lệ chất thải thu gom được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường</i>	%	96	96	Đạt
5	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
6	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	100	Đạt

BIỂU 2
MỘT SỐ CHỈ TIÊU LĨNH VỰC KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/U' TH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
I	VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ								
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP)	%	8.36	9,5-10,5		8.44		10,5-11,5	
2	Quy mô GRDP theo giá so sánh	Tỷ đồng	111,533	125.285 - 126.430		120,943	108.44	133.637-134.848	110,5-111,5
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	22,124	23.084 - 23.195		22,713	102.66	23.819-23.954	104,87-105,46
-	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	36,737	43.388 - 44.777		41,642	113.35	48.058-48.607	115,41-116,73
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	21,319	26.177 - 26.290		24,419	114.54	28.447-28.797	116,5-117,93
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	47,510	52.333 - 52.911		51,075	107.50	55.843-56.332	109,33-110,29
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	5,162	5.479 - 5.546		5,513	106.80	5.918-5.954	107,35-108
3	Quy mô GRDP theo giá hiện hành	Tỷ đồng	210,951	249.222 - 251.399		236,518	112.12	270.804-273.170	
	<i>Trong đó:</i>								
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	46,774	48.931 - 49.161		49,432	105.68	53.568-53.863	
-	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	62,610	82.204 - 82.895		73,050	116.67	87.593-88.557	
-	Dịch vụ	Tỷ đồng	91,882	105.855 - 106.972		103,380	112.51	117.888-118.879	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	Tỷ đồng	9,685	12.231 - 12.370		10,656	110.03	11.764-11.871	
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng				67.52		77-78	
5	Cơ cấu kinh tế								
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	22.17			20.9		19-20	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	29.68			30.9		32-33	
-	Dịch vụ	%	43.56			43.7		42-43	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	4.59			4.5		4-5	
6	Tổng nguồn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	108,079	130,000		115,592	106.95	145,000	125.44
II	THU, CHI NSNN								
*	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	25,564	17,726	23,005	26,560	103.90	23,340	87.88
	<i>Trong đó:</i>								
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	23,727	16,016	21,249	24,700	104.10	21,400	86.64
-	Thu thuế xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	1,710	1,630	1,638	1,710	100.00	1,850	108.19
*	Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	63,843	41,991	38,275	45,957.8	71.99	51,689	112.47
	<i>Trong đó:</i>								
-	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	18,167	9,771	12,276	14,731	81.09	12,615	85.63
-	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	25,847	31,409	25,382	30,345	117.40	37,787	124.53
III	CÔNG NGHIỆP								
	Một số sản phẩm chủ yếu								
*	<i>Khai thác mỏ</i>								
	Khai thác đá xây dựng	1000 m3	4,133	7,100	5,544	7,668	185.53	7,975.0	104.0
	Thiếc thô	Tấn	33		15,25	21	62.87	35.7	170.0
*	CN chế biến, chế tạo								
	Bia các loại	1000 lít	156,783	180,000	110,975	140,000	89.30	147,000.0	105.0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/U' TH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
	Đường kính	Tấn	117,032	150,000	122,231	153,000	130.73	160,650.0	105.0
	Sữa tươi	1000 lít	298,725			303,852	101.72	334,237.0	110.0
	Sữa chế biến	1000 lít	52,073	450,000	300,091	58,211	111.79	62,878.0	108.0
	Thức ăn gia súc	Tấn	280,680	200,000	149,774	181,333	64.60	195,841.0	108.0
	Nước mắm	1000 lít	228,486	350,000	168,195	174,221	76.25	182,932.0	105.0
	Sản phẩm may mặc	1000 SP	120,258	150,000	77,272	99,000	82.32	108,900.0	110.0
	Sợi các loại	Tấn	8,393	15,000	4,629	5,429	64.68	5,872.0	108.2
	Bao bì các loại	nghìn SP	41,025	500,000	43,400	54,000	131.63	58,320.0	108.0
	Dăm gỗ	Tấn	1,035,614	460,000	143,909	200,000	19.31	210,000.0	105.0
-	Sản phẩm khác từ gỗ ngoài dăm gỗ	Triệu cái	61,468			85,600	139.26	89,880.0	
	Linh kiện điện tử	Triệu SP	580	650	640	768	132.41	1,350.0	175.8
	Giày dép da	1000 đôi	17,236	90,000	17,400	20,200	117.20	35,400.0	175.2
*	Vật liệu XD								
	Xi măng	1000 tấn	8,302	12,000	7,626	9,138	110.07	9,777.0	107.0
	Clinker	1000 tấn	7,282			8,276	113.65	8,773.0	106.0
	Tôn, thép các loại	Tấn	1,518,822	1,000,000	842,000	1,010,400	66.53	1,070,024.0	105.9
	Gạch nung	triệu viên	554	1,000	863	1,000	180.42	1,060.0	106.0
	Đá ốp lát	1000 m2	2,766	9,000	7,700	9,000	325.44	9,540.0	106.0
*	CN điện nước								
	Nước máy	1000 m3	45,336	50,000	33,816	39,612	87.38	42,286.0	106.8
	Điện thương phẩm	Triệu KWh	5,159	5,850	4,518	5,472	106.07	5,913.0	108.1
	Điện sản xuất	Triệu KWh	3,290	4,700	4,309	4,931	149.86	5,325.0	108.0
IV	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN								
1	Sản phẩm nông nghiệp chủ yếu								
2.1	Trồng trọt								
a)	Lúa cả năm:								
-	Diện tích:	Ha	168,115	166,000	166,000	166,000	98.74	166,000	100.0
-	Năng suất:	Tạ/ha	60.37	61.00		59.16	98.00	59.58	100.7
-	Sản lượng:	Tấn	1,014,944	1,012,600	878,914	982,100	96.76	989,028	100.7
b)	Ngô:								
-	Diện tích:	Ha	46,228	46,500	45,906	46,000	99.51	46,000	100.0
-	Năng suất:	Tạ/ha	47.44	47.50		48.00	101.18	48.2	100.4
-	Sản lượng:	Tấn	219,284	220,875	202,507	220,800	100.69	221,720	100.4
c)	Lạc:								
-	Diện tích:	Ha	9,457	10,000	9,000	9,000	95.17	10,000	111.1
-	Năng suất:	Tạ/ha	27.80	28.00	28	28	100.71	28.3	101.1
-	Sản lượng:	Tấn	26,293	28,000	25,200	25,200	95.84	28,300	112.3
d)	Sản nguyên liệu:								
-	Diện tích:	Ha	12,466	11,000	10,880	11,000	88.24	11,000	100.0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/U' TH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
-	Năng suất:	Tạ/ha	232.21		250	250	107.66	250	100.0
-	Sản lượng:	Tấn	289,467	275,000	8342.00	275,000	95.00	275,000	100.0
e)	Mía nguyên liệu:								
-	Tổng diện tích:	Ha	22,641	22,000	22,271	22,500	99.38	22,500	100.0
-	Năng suất:	Tạ/ha	608.19	610		610	100.30	611	100.1
-	Sản lượng:	Tấn	1,377,000	1,342,000		1,372,500	99.67	1,373,600.0	100.1
d)	Cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả chủ yếu								
+	Cây Chè công nghiệp:								
-	Tổng diện tích:	Ha	8,788	8,800	8,800	8,800	100.14	8,800	100.0
	Trong đó: Diện tích kinh doanh	Ha	8,101	8,500		8,500	104.93	8,650	101.8
-	Năng suất:	Tạ/ha	144.02	145.0		145.00	100.68	145	100.0
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	116,629	123,250	73,251	123,250	105.68	125,430	101.8
+	Cây Cao su:								
-	Tổng diện tích:	Ha	8,703	9,000	8,700	8,700	99.97	8,700	100.0
	Tr.đó: Diện tích kinh doanh:	Ha	6,976	7,000		7,000	100.34	7,000	100.0
-	Năng suất:	Tạ/ha	15.04	15.1		15.07	100.20	15.07	100.0
-	Sản lượng cao su mù khô	Tấn	10,509	10,549	6,011	10,549	100.38	10,549	100.0
+	Cây Cam:								
-	Tổng diện tích:	Ha	2,041	2,000	2,050	2,050	100.44	2,200	107.3
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1,750	1,500		1,700	97.14	2,100	123.5
-	Năng suất:	Tạ/ha	194.40	175.0		200.00	102.88	201	100.5
-	Sản lượng	Tấn	36,893	26,250	31,741	34,000	92.16	42,210	124.1
+	Cây dứa								
-	Tổng diện tích:	Ha	1,785	1700	1,760	1,760	98.60	2,000	113.6
	Diện tích cho sản phẩm		1,104	1105		1,105	100.09	1,760	159.3
-	Năng suất:	Tạ/ha	334.6	335		335	100.12	335	100.0
-	Sản lượng	Tấn	36,955	37018	35,654	37,100	100.39	58,960	158.9
2.2	Chăn nuôi								
-	Tổng đàn trâu, bò	Con	798,252	793,000	807,900	798,000	99.97	799,000	100.1
+	Tổng đàn trâu	Con	248,281	248,000	246,500	248,000	99.89	247,000	99.6
+	Tổng đàn bò	Con	549,971	545,000	561,400	550,000	100.01	552,000	100.4
-	Tổng đàn lợn	Con	1,034,236	1,100,000	999,500	1,050,000	101.52	1,080,000	102.9
-	Tổng đàn gia cầm	1000 con	38,126	36,700	39,602	41,000	107.54	41,100	100.2
-	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	287,464	287,000		287,000	99.84	305,000	106.3
-	Sản lượng sữa	Triệu lít	330.00	330.0		360	109.09	365	101.4
3	Lâm nghiệp								
-	Bảo vệ rừng	Ha	973,012	961,774	973,012	973,012	100.00	971,054	99.8
-	Khoanh nuôi rừng	Ha	76,000	71,000	76,000	76,000	100.00	70,000	92.1
-	Chăm sóc rừng	Ha	54,000	54,000	61,000	61,000	112.96	67,580	110.8

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/ƯTH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	ƯTH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
-	Trồng mới rừng tập trung	Ha	26,764	20,000	20,375	22,000	82.20	21,000	95.5
-	Khai thác gỗ	1000 m3	1,992.0	1,800	1,754	2,142	107.53	2,200	102.7
-	Tỷ lệ che phủ của rừng	%	59.01	58	59.01	59.01	100.00	58	98.3
4	Thủy sản								
4.1	Tổng sản lượng	Tấn	266,500	269,000	258,155	282,000	105.82	295,000	104.6
-	Sản lượng khai thác	Tấn	193,000	194,000	192,503	205,000	106.22	216,000	105.4
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	73,500	75,000	65,652	77,000	104.76	79,000	102.6
4.2	Diện tích nuôi trồng	Ha	22,000	21,550	21,480	21,550	97.95	21,550	100.0
-	Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	19,950	19,500	19,475	19,500	97.74	19,500	100.0
-	Diện tích nuôi mặn lợ	Ha	2,050	2,050	2,005	2,050	100.00	2,050	100.0
V	VỀ DỊCH VỤ								
1	Thương mại								
	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	118,786	120,000	107,544	125,000	105.23	138,000.0	110.4
2	Xuất nhập khẩu								
2.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	3,172	4,000	3,716	4,400	138.73		
	Hàng dệt, may	Triệu USD	533	530	498	590	110.72	600.00	101.7
	Thiết bị, linh kiện điện tử	Triệu USD	818	1,700	1,570	1,840	224.94	2350.00	127.7
	Vật liệu xây dựng	Triệu USD	484	540	410	490	101.15	500.00	102.0
	Dăm gỗ	Triệu USD	281	250	160	190	67.53	165.00	86.8
	Hàng thủy sản	Triệu USD	107	100	65	78	72.99	80.00	102.6
	Giày, dép các loại	Triệu USD	186	180	250	300	161.66	350.00	116.7
	Bột đá vôi trắng siêu mịn	Triệu USD	78	75	68	80	102.98	85.00	106.3
	Dây điện và cáp điện	Triệu USD	121	118	110	130	107.71	150.00	115.4
	Sắn và sản phẩm từ sắn	Triệu USD	100	73	130	160	160.35	165.00	103.1
	Hoa quả chế biến và nước hoa quả	Triệu USD	21	25	30	36	168.75	40.00	111.1
	Nguyên phụ liệu dệt may, da, giày	Triệu USD	25	20	45	55	218.48	54.55	100.0
	Hạt phụ gia nhựa	Triệu USD	35	34	30	36	102.45	36.00	100.0
	Đá ốp lát	Triệu USD	34	33	27	33	96.11	33.00	100.0
	Viên nén gỗ	Triệu USD	30	30	52	63	211.73	65.00	103.7
	Gạo	Triệu USD	44	45	23	28	63.31	27.92	100.0
	Xăng dầu	Triệu USD	17	20	9	11	67.09	11.29	100.0
	Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	Triệu USD	44	40	66	79	179.07	80.00	101.1
	Đá hoa trắng dạng cục	Triệu USD	20	15	14	17	84.25	16.53	100.0
	Bao bì các loại	Triệu USD	21	35	16	19	92.17	20.00	105.6
	Nhóm nhựa thông, tin dầu thông	Triệu USD	12	12	9	11	89.73	10.00	90.9
	Xơ, sợi dệt các loại	Triệu USD	9	9	0	0	3.47	0.30	100.0
	Chè búp khô	Triệu USD	3	3	3	3	113.72	3.00	100.0
	Hạt tiêu	Triệu USD	2	2	5	6	224.14	5.56	100.0
	Hàng thủ công mỹ nghệ	Triệu USD	1	1	1	2	126.21	1.50	100.0

BIỂU 3
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/U' TH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
I	VỀ LAO ĐỘNG								
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	1,632,613			1,641,226		1,650,089	
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Người	1,601,336			1,609,222		1,618,426	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70.1	71.5	71.3	71.5	102.00	72.6	101.5
4	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	48,500	46,000	39,300	49,000	101.03	47,000	95.9
5	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	20,500	16,000	15,700	17,000	82.93	16,000	94.1
II	VỀ GIẢM NGHÈO								
1	Số hộ nghèo	Hộ	36,703	28,963	36,703	28,963	7,740		
2	Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,16	3,13	4,16	3,16			
3	Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm	%	1,03	1,0 -1,5	1,03	1,0	1,0	0,5 -1,5	
4	Số hộ cận nghèo	Hộ	47,838	45,738	47,838	45,738	2,100		
5	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	5,42	5,11	5,42	5,11	0,31		
6	Số hộ thoát nghèo	Hộ	10,070	10,100	10,100	10,100	-	30	
7	Số hộ tái nghèo	Hộ	130	100	100	100		30	
III	VỀ Y TẾ								
1	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	41.3	42.75	42.75	42.75	103.51	44.53	104.16
2	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	12.9	13.2	13.1	13.2	102.33	13.8	104.55
3	Tỷ lệ trạm y tế xã/phường có bác sỹ làm việc	%	93.7	> 90	93	93	99.25	> 90	
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	12.4	12.6		≤ 11,9		12.2	
5	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	97	95	95	95		≥ 90	
6	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	‰	3.5	≤ 6	-	2.3	65.71	≤ 5,8	
7	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	‰	5.5	≤ 8	-	3.2	58.18	≤ 7,8	
8	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	116.39	116.09	-	116.09	99.74	115.79	99.74
IV	VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI - BẢO HIỂM Y TẾ								
1	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	94	95.0	94.22	95.0	101	95.5	101
2	Tỷ lệ người lao động tham gia BHXH	%	25.80	26.50	26.53	27.0	105	30	111
V	VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO								
1	Số trường học (theo từng cấp học)	Trường	1452	1452	1452	1452	100	1431	99

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/U' TH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
2	Số trường học đạt chuẩn quốc gia (theo từng cấp học)	Trường	1166	1169	1115	1169	100	1186	101
3	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (theo từng cấp học)	%	80.3	80.50	76.79	80.5	100	82.88	103
4	Tỷ lệ trẻ em đi học mẫu giáo trong độ tuổi	%	92	93	93	93	101	94	101
5	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	%	100	100	100	100	100	100	100
6	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	100	100	100	100	100	100	100
VI	VỀ VĂN HÓA, THỂ THAO								
1	Số di tích được tu bổ	Di tích	14	21	5	21	150	25	119
2	Tỷ lệ làng, bản, khối xóm văn hóa	%	69.8	73		73	105	74	101
3	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn	%	79.3	82		82	103		
4	Tỷ lệ gia đình thể thao	%	25.5	26		26.0	102	26.5	102
5	Tỷ lệ số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên	%	36.4	37		37.0	102	37.6	102

BIỂU 4
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG, ĐÔ THỊ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2024	Năm 2025				Kế hoạch năm 2026	So sánh KH 2026/U' TH năm 2025 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Ước thực hiện cả năm	U' TH năm 2025 so với năm 2024 (%)		
1	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%							
-	<i>Tỷ lệ dân đô thị loại 4 dùng nước sạch</i>	%	83.25	93					
-	<i>Tỷ lệ dân đô thị loại 5 dùng nước sạch</i>	%	90.75	91					
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	89.5	90	90.3	90.5			
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	53	53.5	53.3	53.5		54.5	
3	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100	100	100
4	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị	%	97.3	97.3	97.3	97.3			
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý					97.3		97.6	
	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%				90		91.0	
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý	%							
6	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%							
7	Tỷ lệ che phủ rừng	%	59.01	58	59.01	59.01	100	58	98.3